



**HOA SEN GROUP**

# **Bước tiến** *đột phá*

# Mái che ân tình - Sen vàng mười năm

## Sen hồng hư không

(Ca khúc được sáng tác cho Tập đoàn Hoa Sen)

*Nhạc và lời : Trần Tiến*

$\text{♩} = 100$

Đóa hoa sen hồng sen hồng mà hư  
không. Ở hơ Lấy chi che  
người. che người mà bao giông. Ở hơ  
Một đời tha nhân chỉ sơ bản thiện từng ngày đêm thao thức  
Phật Bà Quan Âm thế nhân phổ độ hiện về pháp đạo quang  
Tìm về bến Giác hồng Đời người như mây khói  
Sắc sắc không không đêm giông mật mừng. Dưới mái tôn nghe như kinh nguyện  
câu, những lời nhiệm mầu, những giọt đàn mưa rơi rơi.  
Hãy nghe tiếng đàn, tiếng đàn mà mưa  
đêm Ở hơ Mái che ân tình, ân tình mà Hoa  
Sen. Ở hơ Đời người như mây khói *D.S. al Fine*  
Tìm về bến Giác hồng Nam mô A Di Đà Phật

(Để nghe ca khúc, xin vui lòng truy cập tại [www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn))



## Sen vàng - Chất lượng vàng

Với những bước tiến không ngừng trên con đường phát triển của mình, Tập đoàn Hoa Sen đã khẳng định được vị thế là tập đoàn sản xuất và kinh doanh tôn mạ hàng đầu Việt Nam.

Trước những thành quả đạt được trong quá khứ, Tập đoàn Hoa Sen không tự hài lòng mà xem đó là nền tảng vững chắc nhằm tiếp tục phát triển để khẳng định và đem đến thành quả lớn hơn cho cổ đông, người lao động và cộng đồng.

# MỤC LỤC

<b>TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI</b> _____	<b>03</b>
<b>NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĐTC 2010 - 2011</b> _____	<b>04</b>
<b>THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT</b> _____	<b>06</b>
<b>GIỚI THIỆU CÔNG TY</b> _____	<b>08</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- 10 năm xây dựng và phát triển</li><li>- Mô hình Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen</li><li>- Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen</li><li>- Năng lực sản xuất</li><li>- Danh mục sản phẩm</li><li>- 5 lợi thế cạnh tranh cốt lõi</li></ul>	
<b>GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> _____	<b>28</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> _____	<b>30</b>
<b>GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> _____	<b>36</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> _____	<b>38</b>
<b>GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT</b> _____	<b>44</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT</b> _____	<b>45</b>
<b>QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP</b> _____	<b>46</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoạt động của Hội đồng Quản trị</li><li>- Hoạt động của Ban kiểm soát</li><li>- Quan hệ khách hàng - Quan hệ nhà đầu tư - Quan hệ cộng đồng</li></ul>	
<b>NHÀ MÁY TÔN HOA SEN - PHÚ MỸ</b> _____	<b>50</b>
<b>CÁC CÔNG TY CON</b> _____	<b>52</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen</li><li>- Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen</li><li>- Công ty TNHH MTV Vận tải &amp; Cơ khí Hoa Sen</li></ul>	
<b>NGUỒN NHÂN LỰC</b> _____	<b>56</b>
<b>HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ</b> _____	<b>58</b>
<b>THÔNG TIN CỔ PHẦN</b> _____	<b>59</b>
<b>HỆ THỐNG CHI NHÁNH</b> _____	<b>62</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN VÀ CÁC CÔNG TY CON ĐÃ KIỂM TOÁN</b>	



## VĂN HÓA 10 CHỮ T



### TÂM NHÌN

Trở thành một Tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực vật liệu xây dựng bằng chiến lược phát triển bền vững, trong đó tập trung vào thế mạnh truyền thống: tôn, thép, nhựa trên cơ sở xây dựng và phát triển chuỗi lợi thế cạnh tranh cốt lõi: quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, hệ thống phân phối – bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng, thương hiệu hướng đến cộng đồng, hệ thống quản trị và văn hoá doanh nghiệp đặc thù, tiên phong đầu tư đổi mới công nghệ để mang lại giá trị gia tăng cao nhất cho cổ đông, người lao động và xã hội.



### SỨ MỆNH

Cung cấp những sản phẩm mang thương hiệu Hoa Sen, chất lượng quốc tế, giá hợp lý, đa dạng nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng, góp phần thay đổi diện mạo kiến trúc đất nước và phát triển cộng đồng.



### GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Trung thực
- Cộng đồng
- Phát triển



### TRIẾT LÝ KINH DOANH

Chất lượng sản phẩm là trọng tâm  
 Lợi ích khách hàng là then chốt  
 Thu nhập nhân viên là trách nhiệm  
 Chia sẻ cộng đồng là nghĩa vụ

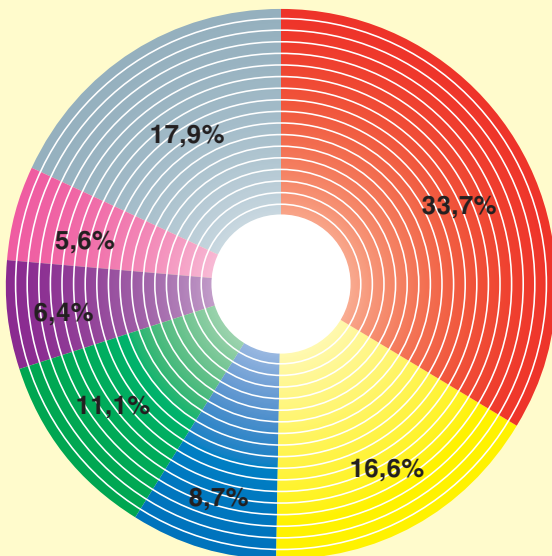
# NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011

## 1

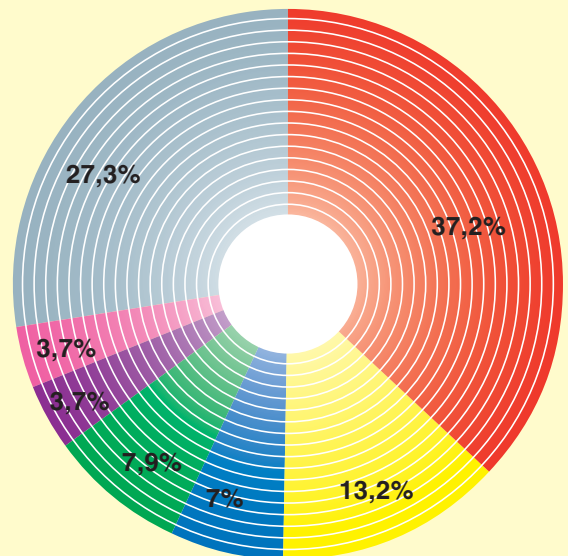
Trong niên độ tài chính 2010 - 2011, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định vị thế doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tôn mạ số 1 Việt Nam.








Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ chính thức được khánh thành giai đoạn 1 vào ngày 08/8/2011. Đây là nhà máy sản xuất tôn mạ có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại; ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong ngành tại Việt Nam; được đầu tư với chi phí thấp nhất và thi công trong thời gian nhanh nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình.

**Biểu đồ thị phần tôn mạ năm 2010**



**Biểu đồ thị phần tôn mạ năm 2011**



-  Tập đoàn Hoa Sen
-  Sun Steel
-  Blue Scope Steel
-  Tôn Phương Nam
-  Liên doanh Posvina
-  Nam Kim
-  DN khác

*Nguồn: Bản tin Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2010 và 2011.  
 Không tính sản lượng bán của Công ty Perstima Việt Nam do tôn mạ thiếc không phục vụ ngành xây dựng.*



## LỄ KỶ NIỆM 10 NĂM NGÀY THÀNH LẬP TẬP ĐOÀN HOA SEN & KHÁNH THÀNH NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ

*The 10<sup>th</sup> year Anniversary of Hoa Sen Group  
& The opening ceremony of Ton Hoa Sen Phu My Factory*

**08/08/2001-08/08/2011**

**10**

Ngày 08/8/2011, Tập đoàn Hoa Sen chính thức tròn 10 năm ngày thành lập. Dấu ấn 10 năm, Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng thành công hệ thống nhà máy sản xuất có công nghệ hiện đại, tạo được chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng về cộng đồng, khẳng định vị thế số 1 về thị phần tôn mạ trong nước và là một trong những doanh nghiệp hàng đầu về xuất khẩu tôn mạ tại Đông Nam Á. Với chiến lược kinh doanh bền vững và sáng tạo, Tập đoàn Hoa Sen sẽ tiếp tục phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục nhận được Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt và được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội.

**55**

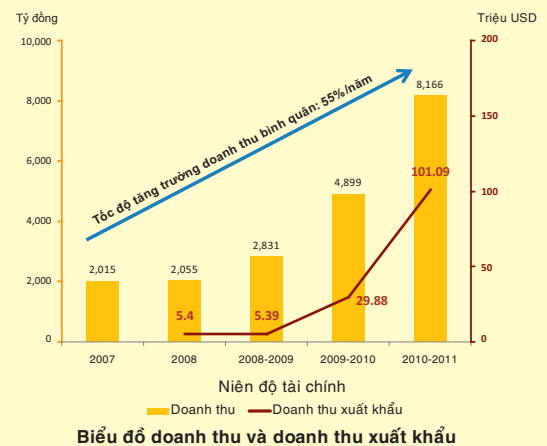
Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân trên 55%/năm trong 10 năm gần nhất (2002-2011)

**101**

Với doanh thu xuất khẩu vượt mốc 101 triệu USD, Tập đoàn Hoa Sen trở thành một trong những nhà xuất khẩu tôn mạ hàng đầu Đông Nam Á.

**106**

Tháng 9/2011, Tập đoàn Hoa Sen khai trương chi nhánh phân phối - bán lẻ thứ 106, góp phần gia tăng năng lực bán hàng và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của Tập đoàn.



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ Kết quả sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2010 – 2011 một lần nữa khẳng định bản lĩnh, trí tuệ, sức mạnh nội tại và lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn Hoa Sen trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi ”

### Kính thưa Quý vị cổ đông,

Năm 2011 là năm chứng kiến nhiều diễn biến khó lường của cuộc khủng hoảng nợ công Châu Âu, ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế toàn cầu. Đối với kinh tế Việt Nam, những bất ổn của các yếu tố kinh tế vĩ mô cùng với tác động tiêu cực của kinh tế thế giới đã làm cho các doanh nghiệp trong nước lâm vào tình cảnh điêu đứng, nhiều doanh nghiệp phá sản hoặc đứng bên bờ vực phá sản. Trong bức tranh kinh tế ảm đạm đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2010 – 2011 của Tập đoàn Hoa Sen là điểm sáng tích cực, một lần nữa chứng minh tính đúng đắn, sáng tạo, kịp thời, hiệu quả trong lãnh đạo, điều hành, sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên, đồng thời khẳng định bản lĩnh, trí tuệ, sức mạnh nội tại và lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn.

Niên độ tài chính 2010 – 2011 ghi nhận mốc sản lượng tiêu thụ 381.999 tấn sản phẩm các loại, 8.166 tỷ đồng doanh thu, 160 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất. So với kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2010 - 2011 thì sản lượng tiêu thụ và doanh thu lần lượt đạt 101%, 117% so với chỉ tiêu của phương án 3, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 107% so với chỉ tiêu của phương án 1. Như vậy về cơ bản chúng ta hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Sở dĩ lợi nhuận sau thuế hợp nhất chỉ đạt được phương án 1 là do tác động tiêu cực của nhiều yếu tố khách quan sau: (i) Các nguyên nhiên phụ liệu đầu vào (thép cán nóng, kẽm, hợp kim nhôm - kẽm, sơn, xăng dầu, gas, điện, ...) đều tăng giá cộng với tỷ giá ngoại tệ tăng làm cho chi phí sản xuất tăng. Trong khi đó, chính sách tiền tệ chặt chẽ và cắt giảm đầu tư công làm cho nhu cầu tiêu thụ sụt giảm nên giá bán không tăng tương ứng với chi phí sản xuất dẫn đến sụt giảm tỷ lệ lợi nhuận gộp trên doanh thu; (ii) Lãi suất tăng mạnh và thị trường chứng khoán suy giảm làm cho phương án phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu không thực hiện được, buộc Công ty phải đi vay vốn ngân hàng dẫn đến chi phí lãi vay tăng mạnh.

Trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi của năm 2011, đó là những thành quả đáng tự hào mà không phải doanh nghiệp nào cũng đạt được.

Cũng trong niên độ tài chính 2010 – 2011, Tập đoàn Hoa Sen kỷ niệm 10 năm ngày thành lập. Dấu ấn 10 năm, Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng thành công hệ thống nhà máy sản xuất có công nghệ hiện đại, tạo được chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng về cộng đồng, khẳng định vị thế số 1 về thị phần tôn mạ trong nước và hàng đầu về xuất khẩu tôn mạ tại Đông Nam Á. Cột mốc sau 10 năm phát triển liên tục là việc khánh thành giai đoạn 1 Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ vào ngày 08/8/2011. Đây là bước tiến đột phá, mở ra một giai đoạn phát triển mới của Tập đoàn Hoa Sen.

Được khởi công vào ngày 13/5/2009, thời điểm suy giảm kinh tế do khủng hoảng tài chính toàn cầu làm ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đến nền kinh tế nước ta, Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú

Mỹ là kết quả của quyết định đầu tư đúng đắn, sáng suốt của Hội đồng Quản trị nhằm tận dụng cơ hội đầu tư với chi phí thấp, tăng cường năng lực cạnh tranh của Tập đoàn. Đây là nhà máy sản xuất tôn mạ có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại; ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong ngành tại Việt Nam; được đầu tư với chi phí thấp nhất và thi công trong thời gian nhanh nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình. Hiệu quả đầu tư của Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ bước đầu đã được khẳng định, đóng góp hơn 70% sản lượng sản xuất, giúp Tập đoàn đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu thụ trong nước cũng như tăng cường sản lượng xuất khẩu.

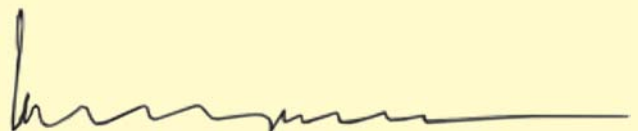
Trong niên độ tài chính vừa qua, nhờ định hướng lại hoạt động và bổ sung nhân sự bộ phận xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ ngoài nước, doanh thu xuất khẩu đã có bước tăng trưởng đột phá, vượt mốc 100 triệu USD giúp Tập đoàn trở thành một trong những doanh nghiệp xuất khẩu tôn mạ hàng đầu Đông Nam Á. Thành tích trên đã góp phần đưa Việt Nam từ một nước nhập khẩu tôn mạ trở thành nước xuất khẩu tôn mạ trong khu vực, góp phần làm giảm thâm hụt cán cân thương mại của quốc gia. Bên cạnh đó, tiếp nối thành công của chiến lược "mua tận gốc, bán tận ngọn" thông qua hệ thống chi nhánh phân phối, Tập đoàn thành lập thêm 13 chi nhánh, nâng tổng số chi nhánh lên con số 106. Sự thành công trong hoạt động xuất khẩu và bán lẻ là cơ sở để Tập đoàn tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tôn mạ lớn nhất Việt Nam.

Trong năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen vinh dự nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu trách nhiệm xã hội.

Trong niên độ mới, với định hướng tập trung vào ngành sản xuất kinh doanh cốt lõi, trên nền tảng các lợi thế cạnh tranh bền vững đã tạo lập trong 10 năm qua, cùng chiến lược phát triển sáng tạo, linh hoạt, và kinh nghiệm điều hành phong phú, với chính sách trẻ hóa đội ngũ quản trị, kiện toàn hệ thống, Tập đoàn Hoa Sen nỗ lực hoàn thành tốt nhất kế hoạch đề ra, chủ động ứng phó với những thay đổi khó lường, đồng thời tạo sức bật phát triển khi nền kinh tế có những chuyển biến tích cực. Thay mặt Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Tập đoàn, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý vị Cổ đông và rất mong nhận được sự đóng góp tích cực của quý vị trong giai đoạn phát triển mới của Tập đoàn.

Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



**Lê Phước Vũ**





# 10 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 18 tháng 05 năm 1994, gia đình Ông Lê Phước Vũ (nay là Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoa Sen) bắt đầu khởi nghiệp với đồng vốn ít ỏi dành dụm từ đồng lương của người thợ, gia đình ông vừa thuê nhà vừa làm cửa hàng mua bán tôn lẻ tại ngã tư An Sương, Quận 12, TP.HCM. Sau đó ít lâu, công việc kinh doanh có nhiều chuyển biến thuận lợi. Chắt chiu được ít tiền, gia đình ông đã mua trả góp một máy cán tôn cũ, tự cắt tôn, đi bán lẻ khắp nơi. Đến khi công việc kinh doanh thuận lợi, gia đình ông mới quyết định thành lập công ty để mở rộng sản xuất - kinh doanh.

Ngày 08/8/2011, Tập đoàn Hoa Sen chính thức tròn 10 năm ngày thành lập.

Đấu ấn 10 năm, Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng thành công hệ thống nhà máy sản xuất có công nghệ hiện đại, tạo được chuỗi thương hiệu mạnh, thân thiện và hướng về cộng đồng, khẳng định vị thế số 1 về thị phần tôn mạ trong nước và là một trong những doanh nghiệp hàng đầu về xuất khẩu tôn mạ tại Đông Nam Á. Với chiến lược kinh doanh bền vững và sáng tạo, Tập đoàn Hoa Sen sẽ tiếp tục phát triển vượt bậc trong thời gian tới.

**2004**

Thành lập thêm 15 chi nhánh, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 49.

Khai trương và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu I, công suất 45.000 tấn/năm; đồng thời khánh thành Trụ sở Tập đoàn tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

**2001 - 2003**

Ngày 08/8/2001, Công ty Cổ phần Hoa Sen, tiền thân của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (Tập đoàn Hoa Sen) được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu 30 tỷ đồng, 22 nhân viên và 3 chi nhánh phân phối – bán lẻ trực thuộc. Đến cuối năm 2003, Tập đoàn sở hữu 34 chi nhánh phân phối - bán lẻ.

**2005**

Thành lập thêm 7 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 56.

**2006**

Thành lập thêm 3 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 59.

Khởi công xây dựng Nhà máy Thép cán nguội 180.000 tấn/năm tại KCN Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Tham gia thành lập Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen.

**2007**

Thành lập thêm 16 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 75.

Tham gia thành lập Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hoa Sen và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Hoa Sen.

Khánh thành Nhà máy Thép cán nguội Hoa Sen, công suất 180.000 tấn/năm, đồng thời khởi công xây dựng dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng) công suất 150.000 tấn/năm.

Khởi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa và Vật liệu xây dựng Hoa Sen tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tháng 12/2007, Công ty Cổ phần Hoa Sen đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và tiến hành nhận sáp nhập 3 công ty: Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, và Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Hoa Sen.



## 2008

Thành lập thêm 4 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 79.

Hợp tác với Công ty Cổ phần Gemadept thành lập Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept với vốn điều lệ 39 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn Hoa Sen là 45%.

Khánh thành giai đoạn I Dự án Nhà máy Ống thép, Ống nhựa và Vật liệu xây dựng Hoa Sen tại KCN Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Khánh thành dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng) công suất 150.000 tấn/năm và dây chuyền mạ màu II, công suất 45.000 tấn/năm.

## 2008 - 2009

Thành lập thêm 3 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 82.

Ngày 05/12/2008, niêm yết 57.038.500 cổ phiếu của Tập đoàn Hoa Sen tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán HSG.

Khởi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## 2009 - 2010

Thành lập thêm 11 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 93.

Phát hành riêng lẻ cho các nhà đầu tư lớn và cán bộ công nhân viên, tăng vốn điều lệ từ 570 tỷ đồng lên 700 tỷ đồng.

Khai trương và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày) , công suất 450.000 tấn/năm và dây chuyền mạ màu công suất 180.000 tấn/năm thuộc Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Phát hành cổ phiếu thưởng và cổ phiếu trả cổ tức NĐTC 2008 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 700 tỷ đồng lên 839,960 tỷ đồng.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức NĐTC 2008 - 2009 cho cổ đông, tăng vốn điều lệ từ 839,960 tỷ đồng lên 1.007,907 tỷ đồng.

## 2010 - 2011

Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Tập đoàn Hoa Sen

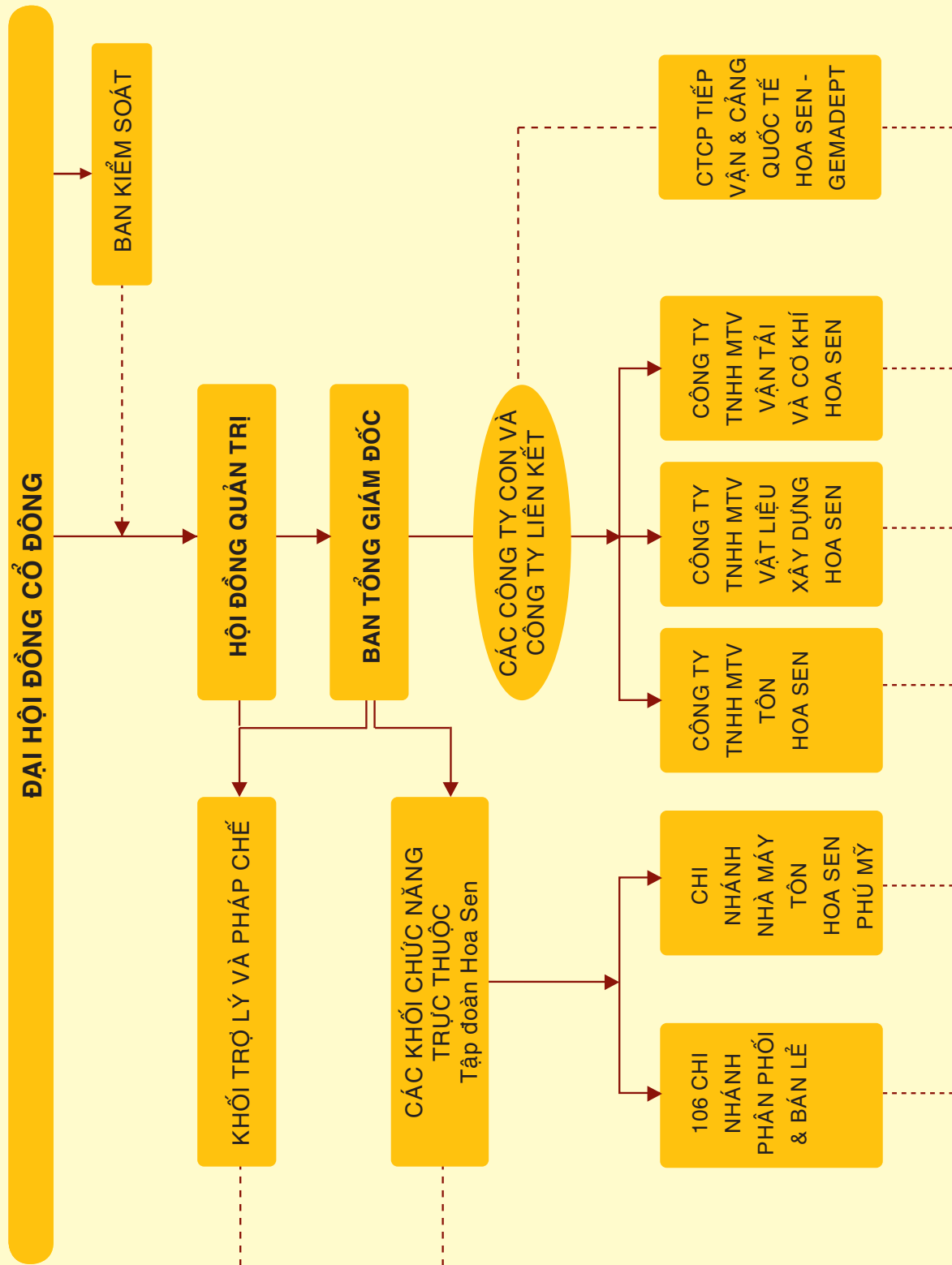
Khánh thành giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

Thành lập thêm 13 chi nhánh phân phối – bán lẻ, nâng tổng số chi nhánh phân phối – bán lẻ lên 106.

Doanh thu xuất khẩu đạt 101 triệu USD.

# Mô hình Tập đoàn Hoa Sen

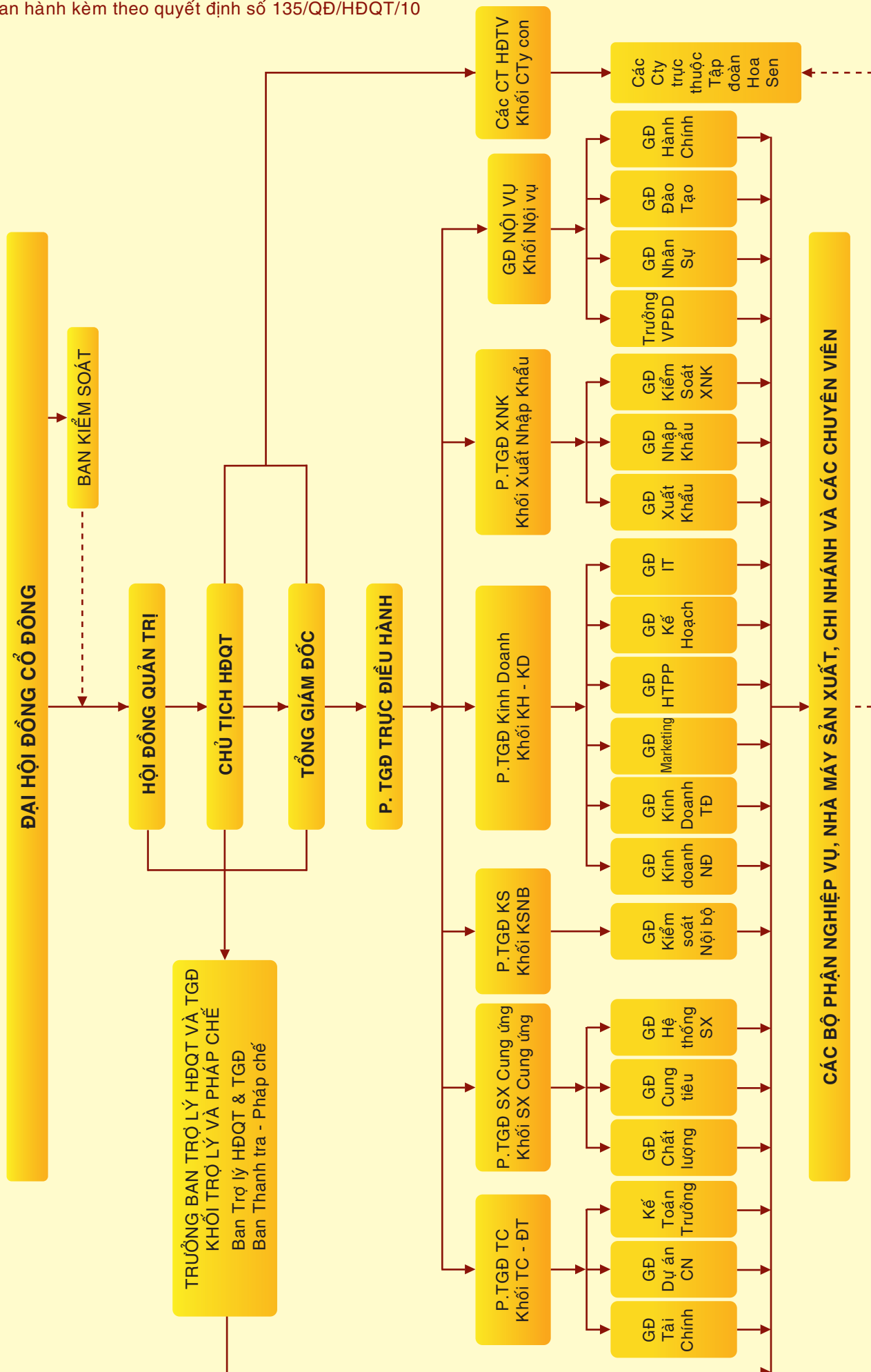
Ban hành kèm theo quyết định số 135/QĐ/HĐQT/10



Ghi chú: — : Quản lý trực tiếp      - - - : Phối hợp, kiểm tra

# Cơ cấu tổ chức Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Ban hành kèm theo quyết định số 135/QĐ/HĐQT/10



# NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Hệ thống dây chuyền sản xuất khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại



Dây chuyền cán nguội



Dây chuyền mạ công nghệ NOF - Thép dày



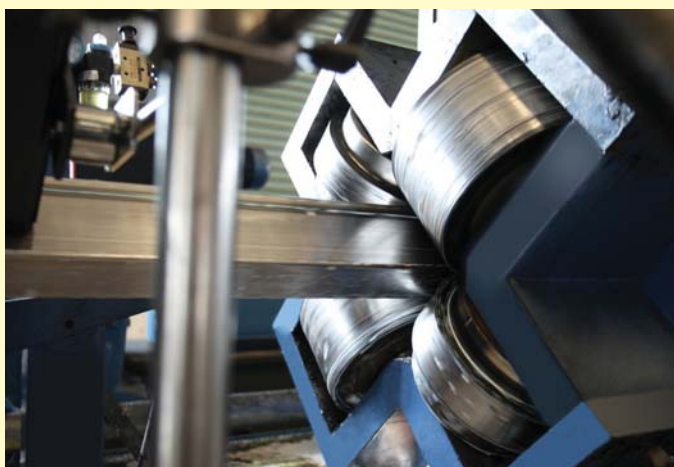
Dây chuyền mạ màu



Dây chuyền mạ công nghệ NOF - Thép mỏng



Dây chuyền sản xuất ống nhựa



Dây chuyền sản xuất thép hộp và ống thép

## NĂNG LỰC SẢN XUẤT



Tập đoàn Hoa Sen đã đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong các ngành tôn, thép, nhựa tại Việt Nam hiện nay.

Đơn vị quản lý	Dây chuyền sản xuất chính	Số lượng	Tổng công suất thiết kế (tấn/năm)
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen</b> Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng)	1	150.000
	Dây chuyền mạ màu	2	90.000
	Cụm lò ủ	1	42.000
<b>Chi nhánh Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ</b> Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dây chuyền tẩy rỉ	1	700.000
	Dây chuyền cán nguội	2	400.000
	Dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng)	1	100.000
	Dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày)	1	450.000
	Dây chuyền mạ màu	1	180.000
	Cụm lò ủ	2	142.000
	Dây chuyền tái sinh axit	1	5.000 lít/giờ
<b>Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen</b> Số 9, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Dây chuyền tẩy rỉ	1	250.000
	Dây chuyền cán nguội	1	180.000
<b>Công ty TNHH MTV Vật liệu - Xây dựng Hoa Sen</b> KCN Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dây chuyền thép hộp và ống thép	17	165.000
	Dây chuyền ống nhựa	12	30.000

## DANH MỤC SẢN PHẨM

Công nghệ tiên tiến

tạo ra sản phẩm đa dạng với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế



### Thép cán nguội

Với công nghệ cán 6 trục đảo chiều, sản phẩm thép cán nguội tại Tập đoàn đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng.



### Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh)

Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn ASTM A792M của Mỹ, AS 1397 (G550), AS 1365 (G300) của Úc và JIS G3321 của Nhật Bản. Bề mặt sản phẩm bóng đẹp, màu ánh bạc, khả năng chống ăn mòn vượt trội, kháng nhiệt hiệu quả, linh hoạt trong thiết kế và có tuổi thọ gấp 4 lần so với tôn kẽm thông thường.



### Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ màu (Tôn lạnh màu)

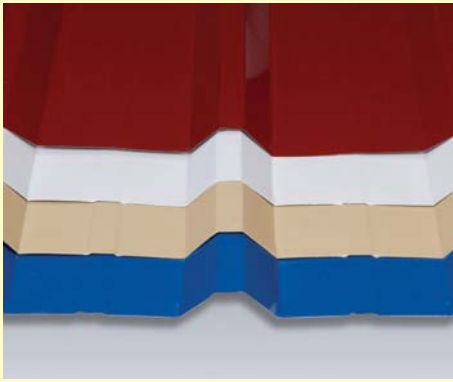
Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền hợp kim nhôm kẽm, tạo cho sản phẩm độ bền vượt trội và độ thẩm mỹ cao.



### Tôn mạ kẽm

Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại, sản phẩm đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất đối với thép lá mạ kẽm theo tiêu chuẩn Nhật Bản (JIS G3302). Khả năng chống ăn mòn tốt, bề mặt lớp mạ nhẵn mịn, sản phẩm tôn mạ kẽm Hoa Sen là lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng.





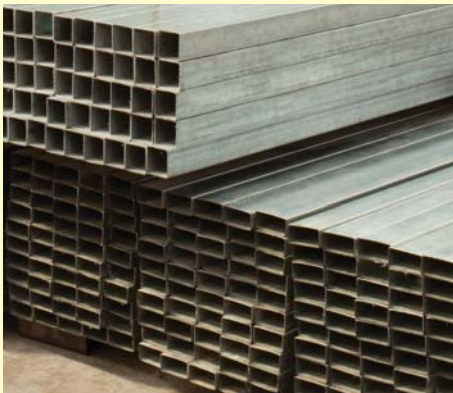
### Tôn kẽm màu

Sự đa dạng về màu sắc và quy cách của tôn kẽm màu Hoa Sen luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng.



### Thép dày mạ kẽm

Với nguồn nguyên liệu đầu vào là thép cán nguội chất lượng cao của Tập đoàn Hoa Sen, cùng với công nghệ mạ NOF hiện đại, sản phẩm thép dày mạ kẽm Hoa Sen, đáp ứng được các yêu cầu đa dạng trong xây dựng công nghiệp, dân dụng.



### Thép hộp & Ống thép

Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, xẻ băng, cán định hình, thép hộp và ống thép Hoa Sen có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn:

- JIS G3344:2004 (Nhật Bản)
- JIS G3466:2006 (Nhật Bản)
- ASTM A53/A53M-07 (Hoa Kỳ)
- ASTM A500/A 500M-07 (Hoa Kỳ)



### Ống nhựa & phụ kiện

Được sản xuất trên dây chuyền hiện đại theo công nghệ Châu Âu với hệ thống trộn trung tâm cho ra sản phẩm đồng nhất và chất lượng cao theo tiêu chuẩn: BS 3505:1968/BS EN 1452-2:2009 (Anh); AS/NZS 1477: 2006 (Úc), TCVN 6151-2:2002 (Việt Nam). Áp dụng công nghệ chính tâm nhiệt hiện đại, Tập đoàn Hoa Sen đã sản xuất được ống nhựa uPVC đường kính 630 mm, dày 30 mm, áp suất 12,5 bar lớn nhất trên thế giới hiện nay. Ống nhựa Hoa Sen được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực như: cấp thoát nước dân dụng và công cộng, các công trình điện lực, viễn thông, bơm cát...

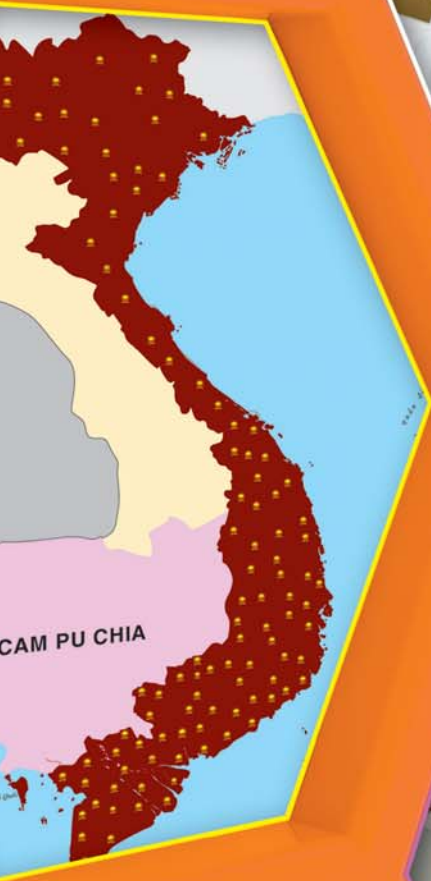


**5** **LỢI THỀ**  
CẠNH TRANH CỐT LỖI

**NỀN TẢNG  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



THÁI LAN



- ◆ Quy trình sản xuất kinh doanh khép kín
- ◆ Sở hữu hệ thống 106 chi nhánh phân phối, bán lẻ
- ◆ Hệ thống quản trị và văn hóa doanh nghiệp đặc thù
- ◆ Thương hiệu hướng đến cộng đồng
- ◆ Tiên phong đầu tư công nghệ mới



## Quy Trình Sản Xuất Kinh Doanh Khép Kín

Thực thi chiến lược dẫn đầu về chi phí thấp

## NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### QUY TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH KHÉP KÍN

Quy trình sản xuất tôn - thép của Tập đoàn Hoa Sen bắt đầu từ dây chuyền sản xuất thép cán nguội. Thép cán nóng nhập khẩu đi qua dây chuyền này sẽ tạo ra thép cán nguội dạng cuộn.

Sản phẩm thép cán nguội tiếp tục là nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền mạ để cho ra sản phẩm cuối cùng là tôn mạ.

Đặc biệt, ở từng giai đoạn của quy trình sản xuất này, các thành phẩm của Tập đoàn Hoa Sen đều đáp ứng được những tiêu chuẩn chất lượng quốc tế của Mỹ, Úc, Nhật Bản. Do đó, những sản phẩm này đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng của thị trường đối với các sản phẩm thép cán nguội và tôn mạ.

Thông qua hệ thống hơn 106 chi nhánh phân phối - bán lẻ trên toàn quốc, các sản phẩm chất lượng cao của Hoa Sen được đưa đến tận tay người tiêu dùng.

Với quy trình sản xuất kinh doanh khép kín, Tập đoàn Hoa Sen chủ động và kiểm soát chặt chẽ chi phí từng khâu trong quá trình sản xuất. Điều này giúp tối thiểu hóa chi phí và đạt được hiệu quả kinh tế theo phạm vi. Đây là cơ sở để Tập đoàn Hoa Sen thực thi chiến lược dẫn đầu thị trường dựa vào chi phí sản xuất kinh doanh thấp nhất.



## Sở Hữu Hệ Thống 106 Chi Nhánh Phân Phối - Bán Lẻ

Không ngừng phát triển, tăng trưởng thị phần

## NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

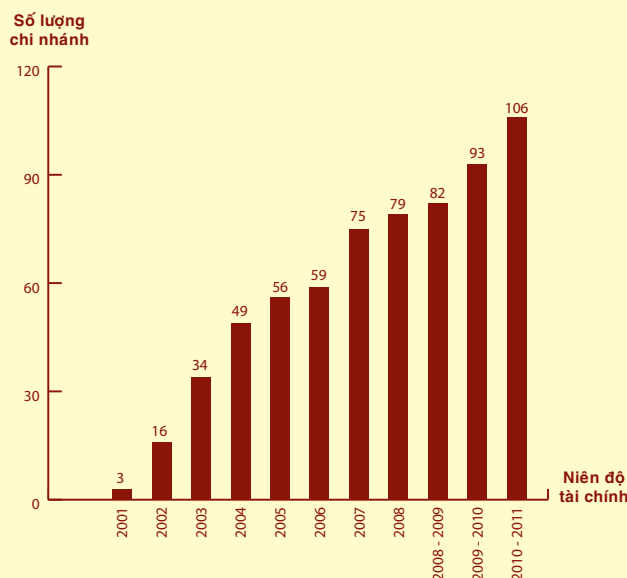


### SỞ HỮU HỆ THỐNG 106 CHI NHÁNH PHÂN PHỐI – BÁN LẺ

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Tập đoàn Hoa Sen đã thực hiện chiến lược "mua tận gốc, bán tận ngọn" thông qua hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ. Với việc quản lý tập trung và thống nhất theo các chính sách chung, thông qua hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ, Tập đoàn Hoa Sen đã kiểm soát chặt chẽ chất lượng các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng cuối cùng. Điều này đã tạo dựng niềm tin vững chắc của người tiêu dùng đối với các sản phẩm của Tập đoàn Hoa Sen.

Qua 10 năm phát triển, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ bao phủ toàn quốc đã trở thành một ưu thế lớn của Tập đoàn trong việc tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, nhanh chóng đưa các sản phẩm mới của Tập đoàn đến với thị trường. Trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động, hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ càng phát huy vai trò chiến lược khi Tập đoàn có thể linh hoạt trong các chính sách bán hàng để tạo ra dòng tiền ổn định, duy trì tính thanh khoản. Đặc điểm này là cơ sở để Tập đoàn nhanh chóng ổn định tình hình sản xuất kinh doanh khi gặp điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi và tiếp tục khẳng định vị thế số 01 đối với các sản phẩm tôn mạ tại Việt Nam.

**Biểu đồ phát triển hệ thống chi nhánh**



VƯỢT LÊN CHÍNH MÌNH



**Thương Hiệu Hướng Đến Cộng Đồng**

Chiến lược xây dựng thương hiệu độc đáo



## NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### THƯƠNG HIỆU CỦA NIỀM TIN

Ý thức được trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, Tập đoàn Hoa Sen không chỉ tập trung tổ chức tốt các hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn luôn chú trọng thực hiện các hoạt động xã hội đa dạng và thiết thực, dành cho nhiều đối tượng khác nhau. Trong nhiều năm liền, bằng các chương trình tiếp thị đa dạng và sáng tạo thông qua việc tài trợ các hoạt động cộng đồng và từ thiện xã hội, thương hiệu Hoa Sen đã thấm sâu vào trái tim người tiêu dùng với hình ảnh là một thương hiệu mạnh, thân thiện, hướng đến cộng đồng.

Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục nhận được Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt và được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội.





**Hệ Thống Quản Trị Và Văn Hóa Doanh Nghiệp Đặc Thù**

Phát triển vì cộng đồng

## NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Hoa Sen đã xây dựng hệ thống quản trị dựa trên nền tảng văn hoá doanh nghiệp 10 chữ T: Trung thực - Trung thành - Tận tụy - Trí tuệ - Thân thiện. Đây là yếu tố quan trọng góp phần vào quá trình phát triển nhanh và bền vững của Tập đoàn Hoa Sen trong 10 năm qua.



### TRUNG THỰC

Trung thực và minh bạch trong mọi hoạt động.



### CỘNG ĐỒNG

Luôn chia sẻ với cộng đồng những thành quả của mình là nét đẹp rất nhân bản của Tập đoàn Hoa Sen đã đi sâu vào tâm trí của nhiều người Việt Nam.



### PHÁT TRIỂN

Liên tục phát triển, đưa thương hiệu Hoa Sen vươn đến những tầm cao mới.



**Tiên Phong Đầu Tư Công Nghệ Mới**

Vững bước cùng công nghệ tiên tiến



### TIỀN PHONG ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ MỚI

Tại Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen luôn đi tiên phong trong đầu tư hệ thống dây chuyền thiết bị hiện đại và ứng dụng công nghệ mới.

Năm 2006, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp ngoài quốc doanh đầu tiên đầu tư dây chuyền sản xuất thép cán nguội.

Năm 2007, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp Việt Nam ngoài quốc doanh đầu tiên đầu tư dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng) để sản xuất tôn mạ tại Việt Nam.

Năm 2009, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày) tại Đông Nam Á.

Năm 2010, Tập đoàn Hoa Sen là doanh nghiệp đầu tiên đầu tư đồng bộ hệ thống trộn trung tâm, hệ thống dây chuyền sản xuất ống nhựa của hãng Battenfeld - Cincinnati công nghệ Châu Âu và phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn Nhật Bản nhằm mang đến người tiêu dùng sản phẩm ống nhựa chất lượng cao với giá cả cạnh tranh.

Năm 2011, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục đầu tư hai dây chuyền cán nguội và khánh thành giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Tôn mạ Hoa Sen Phú Mỹ. Đây là nhà máy sản xuất tôn mạ với hệ thống dây chuyền, thiết bị đồng bộ, hiện đại, có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại.

Để bảo đảm chất lượng sản phẩm và thể hiện trách nhiệm xã hội, Tập đoàn đã áp dụng và duy trì bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2008 về Hệ thống quản lý chất lượng; thực hành nghiêm ngặt bộ tiêu chuẩn ISO 14000 về hệ thống quản lý môi trường; thực hiện bộ tiêu chuẩn OHSAS 18000 về Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



TRUNG THỰC - CỘNG ĐỒNG - PHÁT TRIỂN



HOA SEN GROUP



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ trái sang phải : Ông Lê Phụng Hào, Ông Trần Ngọc Chu, Ông Lê Phước Vỹ,  
Ông Phạm Gia Tuấn, Ông Nguyễn Văn Quý.

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch

Ông Lê Phước Vũ khởi nghiệp kinh doanh từ một cơ sở bán lẻ tôn vào năm 1994. Năm 2011, sau 7 năm tích lũy vốn và kinh nghiệm kinh doanh, Ông sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen với vốn điều lệ 30 tỷ đồng. Vận dụng những kinh nghiệm tích lũy được trong ngành kinh doanh tôn - thép, kết hợp với sự lãnh đạo sáng suốt và điều hành linh hoạt, chỉ trong vòng 10 năm, Ông đã phát triển Công ty Cổ phần Hoa Sen từ một Công ty nhỏ chuyên doanh tôn vươn lên trở thành Tập đoàn Hoa Sen - một Tập đoàn kinh tế hàng đầu Việt Nam hiện nay. Với tâm huyết và những công lao to lớn trong sự phát triển của Tập đoàn, Ông được Đại hội đồng Cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc nhiều nhiệm kỳ liên tục. Từ tháng 4/2011, Ông thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc để tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm của mình ở cương vị là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn.



## Ông Trần Ngọc Chu - Phó chủ tịch

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những năm đầu thành lập, Ông Trần Ngọc Chu đã có những đóng góp rất quan trọng trong quá trình phát triển Tập đoàn Hoa Sen. Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, Ông được Đại hội đồng Cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời Ông được giao nhiều trọng trách tại Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Đầu tư, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen. Tháng 4/2011, Ông được Hội đồng Quản trị tín nhiệm bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn.



## Ông Nguyễn Văn Quý - Thành viên

Ông Nguyễn Văn Quý tốt nghiệp đại học với hai chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Điện. Ông là chuyên gia hàng đầu trong kỹ thuật sản xuất tôn - thép ở Việt Nam. Trước khi gia nhập Tập đoàn Hoa Sen, ông đã tích lũy kinh nghiệm qua nhiều công ty như Tôn Phương Nam, Nippo-vina... Là thành viên Hội đồng Quản trị phụ trách phát triển các dự án ngành tôn - thép, ông đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các dự án như: dự án Nhà máy thép cán nguội, dự án Dây chuyền mạ kẽm/nhôm kẽm (công nghệ NOF), dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.



## Ông Phạm Gia Tuấn - Thành viên

Ông Phạm Gia Tuấn tốt nghiệp ngành Kế toán, Đại học Công nghệ Sydney (Úc) và là thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc. Ông đã có hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị tài chính, thuế và kiểm toán tại các công ty hàng đầu Việt Nam như: VinaCapital, Dutch Lady Vietnam, PricewaterhouseCoopers Sydney (Úc) và PricewaterhouseCoopers Việt Nam. Tại Tập đoàn Hoa Sen, ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, chuyên trách Quan hệ cổ đông – Tài chính Kế toán.



## Ông Lê Phụng Hào - Thành viên

Ông Lê Phụng Hào đã tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kinh tế, Luật và MBA chuyên ngành Tư vấn Quản trị tại Đại học Ludwigshafen (Đức). Ông là chuyên gia hàng đầu trong hoạt động quản trị kinh doanh với gần 20 năm kinh nghiệm. Ông đã từng đảm nhận các chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Sản xuất Hàng tiêu dùng Bình Tiên (Biti's), Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Kinh Đô. Ông đồng thời đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội Marketing Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Sở hữu Trí tuệ TP. Hồ Chí Minh. Ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, chuyên trách hệ thống quản trị và đầu tư.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2011, kinh tế trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tác động tiêu cực từ cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu và cuộc khủng hoảng nợ công tại Châu Âu. Bên cạnh đó, những bất ổn của các yếu tố kinh tế vĩ mô, cùng với việc thực thi chính sách tiền tệ chặt chẽ, sự biến động bất lợi của tỷ giá ngoại tệ và lãi suất làm cho các doanh nghiệp trong nước lâm vào tình cảnh điều đứng, nhiều doanh nghiệp phá sản hoặc đứng bên bờ vực phá sản.

Trước tình hình trên, Hội đồng Quản trị đã chủ động đề ra những quyết sách quan trọng và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện những giải pháp điều hành linh hoạt nhằm thực hiện tốt nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

### **KẾT QUẢ KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011**

Kết thúc niên độ tài chính 2010 - 2011, Tập đoàn Hoa Sen đạt mức sản lượng tiêu thụ 381.999 tấn sản phẩm các loại, tương ứng với 8.166 tỷ đồng doanh thu và 160 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế hợp nhất. So với kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2010 - 2011 thì sản lượng tiêu thụ và doanh thu lần lượt đạt 101% và 117% so với chỉ tiêu của phương án 3, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 107% (vượt 10 tỷ đồng) so với chỉ tiêu của phương án 1. Như vậy về cơ bản chúng ta đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch kinh doanh NĐTC 2010 - 2011			Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	So sánh thực hiện/ kế hoạch theo từng PA (%)		
		PA 1	PA 2	PA 3		PA 1	PA 2	PA 3
1	2	3	4	5	6	7 = (6/3) x 100	8 = (6/4) x 100	9 = (6/5) x 100
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	320.000	343.340	377.920	381.999	119%	111%	101%
<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	5.994	6.408	6.971	8.166	136%	127%	117%
<b>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất</b>	Tỷ đồng	150	191	249	160	107%	84%	64%

So với kết quả kinh doanh của niên độ tài chính 2009 – 2010, sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Tập đoàn lần lượt tăng trưởng 45% và 67%. Trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi thì đây là kết quả rất đáng khích lệ.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2009 - 2010	Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	NĐTC 2010 - 2011 so với NĐTC 2009 - 2010 (%)
1	2	3	4	5 = (4/3) x 100
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	264.320	381.999	145%
<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	4.899	8.166	167%

### TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

#### 1. Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ

Trong niên độ tài chính 2010 – 2011, Hội đồng Quản trị đã tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, nhằm nhanh chóng hoàn thành giai đoạn 1 của Dự án, nâng cao năng lực sản xuất của Tập đoàn, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Kết thúc giai đoạn 1 của dự án, Tập đoàn đã xây dựng thành công nhà máy sản xuất tôn mạ có quy mô lớn nhất Đông Nam Á trên diện tích 16,7 hecta bao gồm: 87.542 mét vuông nhà xưởng, 690 mét vuông văn phòng làm việc, trạm biến thế 110 Kv, hệ thống xử lý nước thải và tái sinh nước, hệ thống dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất tôn mạ khép kín.

Ngoài các dây chuyền đã đưa vào sản xuất trong niên độ tài chính 2009 - 2010, trong niên độ 2010 – 2011 Tập đoàn đã lần lượt đưa các dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng), dây chuyền tẩy rỉ, 2 dây chuyền cán nguội, dây chuyền tái sinh axit vào hoạt động và chính thức khánh thành giai đoạn 1 vào ngày 08/8/2011. Hiện tại, hầu hết các dây chuyền tại nhà máy đã đi vào hoạt động và đóng góp lớn cho sự tăng trưởng của Tập đoàn trong niên độ vừa qua. Chi tiết như sau:

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên dây chuyền	Công suất thiết kế (Tấn/năm)	Thời gian đi vào sản xuất
Cụm lò ủ số 01	42.000	12/2009
Dây chuyền cắt tấm	50.000	01/2010
Dây chuyền xẻ băng	150.000	02/2010
Dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày)	450.000	14/03/2010
Dây chuyền mạ màu	180.000	17/4/2010
Dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng)	100.000	20/01/2011
Dây chuyền tẩy rỉ	700.000	16/02/2011
Dây chuyền cán nguội 1	200.000	28/02/2011
Dây chuyền tái sinh axit	5.000 lít/giờ	28/7/2011
Dây chuyền cán nguội 2	200.000	31/8/2011

Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 của Dự án là 1.782.616.175.000 đồng. Tính đến ngày 30/9/2011, Dự án đã được giải ngân 1.606.011.901.000 đồng, còn lại 176.604.274.000 đồng chưa giải ngân, trong đó chủ yếu là tiền bảo hành nhà xưởng, máy móc thiết bị.

Hội đồng Quản trị đã thành lập Tổ công tác chuyên trách kiểm tra khối lượng công trình, làm việc độc lập với Ban Quản lý Dự án để kiểm tra hồ sơ quyết toán dự án. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính minh bạch trong thực hiện dự án, Hội đồng Quản trị đã thuê một đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm tra các hồ sơ quyết toán. Đồng thời, Hội đồng Quản trị thông báo thường xuyên tiến độ dự án và mời Ban Kiểm soát tham gia giám sát thực hiện dự án và kiểm tra hồ sơ quyết toán.

### 2. Dự án đầu tư mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ

Trong niên độ 2010 - 2011, Tập đoàn thành lập thêm 13 chi nhánh phân phối – bán lẻ với tổng vốn đầu tư là 56.967.000.000 đồng, tập trung chủ yếu ở khu vực miền Bắc, nâng tổng số chi nhánh của Tập đoàn Hoa Sen lên 106 chi nhánh.

### 3. Các Dự án bất động sản và Dự án cảng quốc tế Hoa Sen –Gemadep

Thực hiện chủ trương của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển nhượng các dự án bất động sản và phần vốn góp tại Dự án cảng quốc tế Hoa Sen Gemadep nhằm tập trung nguồn vốn phát triển các ngành kinh doanh cốt lõi, Hội đồng Quản trị đã quyết định tạm dừng triển khai các dự án này và đang tiến hành tìm kiếm, lựa chọn đối tác nhận chuyển nhượng. Kết quả như sau:

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên dự án	Tiến độ chính của dự án	Đã giải ngân đến 30/9/2011 (tỷ đồng)	Tiến độ chuyển nhượng
<b>1. Dự án chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen</b> - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen và CTCP Đầu tư Phát triển Phố Đông hợp tác đầu tư, mỗi bên góp 50% vốn. - ĐC: P. Phước Long B, Quận 9, TP.HCM - Diện tích: 3.600 m <sup>2</sup> - Quy mô: Cao ốc 18 tầng, 23.437m <sup>2</sup> sàn, 214 căn hộ - Hệ số sử dụng đất: 5,7 lần	- Khởi công ngày 12/12/2009. - Công bố bán căn hộ đợt 1 vào ngày 02/07/2010. - Đang thi công phần khung BTCT, đã hoàn thành sàn tầng 15. - Dự kiến hoàn thành xây dựng quý IV/2011.	26,55	Đã thực hiện chuyển nhượng
<b>2. Dự án Văn phòng trụ sở Tập đoàn Hoa Sen</b> - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - ĐC: 123 Trần Nãi, P.Bình An, Quận 2, TP.HCM - Diện tích: 969 m <sup>2</sup>	- Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 969 m <sup>2</sup> từ người bán. - Đang tiến hành thiết kế xây dựng.	52,26	Đang xúc tiến thực hiện chuyển nhượng
<b>3. Dự án căn hộ Hoa Sen Phước Long B</b> - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - ĐC: P. Phước Long B, Quận 9, TP.HCM - Diện tích: 8.016m <sup>2</sup> - Quy mô: Cao ốc 19 tầng, 44.000m <sup>2</sup> sàn, 400 căn hộ - Hệ số sử dụng đất: 5,5 lần	- Được UBND TP.HCM đồng ý chủ trương đầu tư. - Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 7.856 m <sup>2</sup> từ người bán. - Đã có công văn cấp chỉ tiêu quy hoạch của Sở Quy Hoạch - Kiến Trúc TP.HCM, UBND Quận 9, UBND TP.HCM	45,85	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
<b>4. Dự án căn hộ Hoa Sen Riverview</b> - Chủ đầu tư: Tập đoàn Hoa Sen - ĐC: Mặt tiền đường Bung Ông Thoàn, P.Phú Hữu, Quận 9, TP.HCM - Diện tích: 15.076,4 m <sup>2</sup>	- UBND TP.HCM đã phê duyệt nhiệm vụ qui hoạch. - Đã nhận chuyển nhượng QSDĐ 15.076,4 m <sup>2</sup> từ người bán. - Đang xúc tiến thủ tục đầu tư.	45,46	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
<b>5. Dự án Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept</b> - Chủ đầu tư: CTCP Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept - Tập đoàn Hoa Sen góp 45% vốn - ĐC: KCN Cái Mép, huyện Tân Thành, Bà Rịa - Vũng Tàu. - Diện tích: 7 ha	- Đã hoàn thành phần thiết kế dự án và bản vẽ thiết kế chi tiết các hạng mục xây dựng cảng. - Hoàn thành cấp phối đá dăm đường vào cảng.	44,45	Đang tìm kiếm đối tác nhận chuyển nhượng
<b>Tổng cộng</b>		<b>214,57</b>	

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## NHÂN SỰ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Nhân sự của Hội đồng Quản trị

Tại Hội nghị bất thường ngày 16/6/2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc giảm số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ 7 thành viên còn 5 thành viên. Cơ cấu như sau:

Ông Lê Phước Vỹ	: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Ngọc Chu	: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Văn Quý	: Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Phụng Hà	: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập
Ông Phạm Gia Tuấn	: Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

### Nhân sự của Ban Tổng Giám đốc

Niên độ tài chính 2010 - 2011, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc nhằm tách bạch vai trò lãnh đạo của Hội đồng Quản trị và vai trò điều hành của Ban Tổng Giám đốc để phù hợp các chuẩn mực quản trị công ty đại chúng theo Bộ Nguyên tắc quản trị công ty của OECD.

Hiện cơ cấu Ban Tổng Giám đốc như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	: Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	: Phó Tổng Giám đốc Trực kiêm phụ trách Kinh doanh
Ông Hoàng Đức Huy	: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát
Ông Vũ Văn Bình	: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất Nhập khẩu
Ông Vũ Văn Thanh	: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính
Ông Nguyễn Minh Khoa	: Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất – Cung ứng

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011

Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2011 của Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông ngày 19/03/2011

STT	Nội dung chính	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2010 - 2011.	Đã báo cáo ở trên
2	Phương án trả cổ tức niên độ tài chính 2009 - 2010	Đã thực hiện trả cổ tức đợt 1 niên độ tài chính 2009 - 2010 với tỉ lệ 5% bằng tiền mặt ngày 04/4/2011. Phần tỷ lệ cổ tức còn lại (không quá 10% mệnh giá cổ phiếu) chưa thực hiện để bảo đảm nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi.
3	Lựa chọn công ty kiểm toán trong niên độ tài chính 2010 - 2011	Đã chọn Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam là đơn vị kiểm toán trong niên độ tài chính 2010 - 2011.
4	Sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Công ty	Đã thực hiện sửa đổi Điều lệ theo Nghị quyết.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/HSG/2011 của Hội nghị bất thường Đại hội đồng cổ đông ngày 16/6/2011**

STT	Nội dung chính	Kết quả thực hiện
1	Chủ trương chuyển nhượng các Dự án bất động sản và phần vốn góp của Tập đoàn Hoa Sen tại Dự án Cảng Quốc tế Hoa Sen Gemadep	Đã báo cáo ở trên
2	Sửa đổi điều 3 trong Điều lệ Công ty	Đã thực hiện sửa đổi Điều lệ theo Nghị quyết.
3	Giảm số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ 7 thành viên còn 5 thành viên.	Đã báo cáo ở trên

## KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012

Căn cứ vào dự báo tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực kinh doanh của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị trình ĐHĐCĐ kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2011 - 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	Kế hoạch NĐTC 2011 - 2012	So với thực hiện NĐTC 2010 - 2011	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6 = (4/3) x 100
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	381.999	460.000	78.001	120%
<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	8.166	10.126	1.960	124%
<b>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất</b>	Tỷ đồng	160	240	80	150%

## ĐỊNH HƯỚNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012 VÀ CÁC NIÊN ĐỘ TIẾP THEO

- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ.
- Chỉ đạo hoàn thiện công tác quản trị, thực hiện các giải pháp điều hành linh hoạt, kiểm soát và tiết giảm chi phí, nhằm chủ động ứng phó kịp thời với các biến động thị trường.
- Thực hiện các chương trình tiếp thị sáng tạo, đa dạng, hiệu quả để xây dựng chuỗi thương hiệu Hoa Sen mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.
- Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, quản trị viên dự nguồn, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng quản lý cán bộ công nhân viên, hợp tác với Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh để tạo nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản cho công tác tuyển dụng cán bộ dự nguồn.
- Nắm chắc diễn biến kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước để kịp thời quyết định triển khai giai đoạn 2 của Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ và dự án mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối - bán lẻ khi có đủ điều kiện thuận lợi.
- Chuẩn bị triển khai áp dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Hoàn thiện Hệ thống Quản lý chất lượng ISO trong toàn tập đoàn



## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### **Ông Trần Ngọc Chu - Tổng Giám đốc**

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen ngay từ những năm đầu thành lập, Ông Trần Ngọc Chu đã có những đóng góp rất quan trọng trong quá trình phát triển Tập đoàn Hoa Sen. Với hơn 25 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, thuế và điều hành doanh nghiệp, Ông được Đại hội đồng Cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong nhiều nhiệm kỳ liên tục, đồng thời Ông được giao nhiều trọng trách tại Tập đoàn: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Đầu tư, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen. Tháng 4/2011, Ông được Hội đồng Quản trị tín nhiệm bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn.



### **Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát**

Ông Hoàng Đức Huy có hơn 20 năm kinh nghiệm về kiểm soát hoạt động doanh nghiệp. Trước khi gia nhập Tập đoàn Hoa Sen, Ông đã công tác 13 năm trong lĩnh vực kế toán, tài chính, kiểm soát nội bộ các công ty lớn thuộc Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh. Năm 2001, Ông tham gia sáng lập Công ty Cổ phần Hoa Sen, tiền thân của Tập đoàn Hoa Sen hiện nay. Trên cương vị Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kiểm soát, Ông đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của Tập đoàn.



### **Ông Vũ Văn Thanh - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính**

Với kinh nghiệm điều hành tại các doanh nghiệp trước đó, năm 2008, Ông Vũ Văn Thanh gia nhập Tập đoàn Hoa Sen với vị trí Giám đốc Tài chính và đã có những đóng góp tích cực cho Tập đoàn. Tháng 4/2011, Ông được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính. Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển và là Giảng viên thỉnh giảng tại một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh.





### **Ông Trần Quốc Trí - Phó Tổng Giám đốc Trực**

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ năm 2004, Ông Trần Quốc Trí là một trong số cán bộ quản lý trẻ, triển vọng của Tập đoàn. Ông tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kế toán kiểm toán thuộc Đại học Kinh tế TP.HCM. Từ năm 2004 đến tháng 9/2010, Ông được rèn luyện và tích lũy kinh nghiệm, chứng minh năng lực trong công tác quản trị, điều hành qua các vị trí: Trưởng Bộ phận tổng hợp Hệ thống phân phối, Giám đốc Hệ thống phân phối. Tháng 10/2010, Ông được HĐQT tín nhiệm bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc kinh doanh của Tập đoàn; tháng 4/2011, Ông được bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Trực của Tập đoàn. Ông là đại diện thế hệ lãnh đạo trẻ của Tập đoàn Hoa Sen.



### **Ông Vũ Văn Bình - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất Nhập khẩu**

Ông Vũ Văn Bình gia nhập Tập đoàn Hoa Sen ngay từ đầu những ngày thành lập. Năm 2006, Tập đoàn Hoa Sen khởi công dự án Nhà máy thép cán nguội, Ông tham gia với tư cách Phó ban Quản lý Dự án và đã có những đóng góp quan trọng trong việc thực hiện thành công dự án. Với sự am hiểu sâu sắc ngành tôn, thép, kinh nghiệm điều hành doanh nghiệp và kinh doanh quốc tế, Ông đã được giao nhiều trọng trách tại Tập đoàn: Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen; Phó Tổng Giám đốc phụ trách chuỗi cung ứng, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất khẩu. Tháng 10/2011, Ông được Hội đồng Quản trị tín nhiệm bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách Xuất Nhập khẩu.



### **Ông Nguyễn Minh Khoa - Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất và Cung ứng**

Gia nhập Tập đoàn Hoa Sen từ đầu năm 2008, Ông Nguyễn Minh Khoa là một trong số cán bộ quản lý trẻ, triển vọng của Tập đoàn. Ông đã tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Khoa Quản lý Công nghiệp thuộc Đại học Bách Khoa TP.HCM. Sau khi đã được rèn luyện và thử thách qua các vị trí: Phó GD Công ty TNHH MTV VLXD Hoa Sen, GD Xúc tiến Đầu tư, Trưởng VPĐD tại TP.HCM, Phó GD Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, GD Kế hoạch Cung ứng. Tháng 10/2011, Ông được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm chức danh Quyền Phó Tổng Giám đốc phụ trách Sản xuất và Cung ứng.



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 – 2011

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế, với định hướng đúng đắn và sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực điều hành linh hoạt, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2010 - 2011.

### 1. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hợp nhất.

Kết thúc niên độ tài chính 2010 - 2011, Tập đoàn Hoa Sen đạt mức sản lượng tiêu thụ: 381.999 tấn sản phẩm các loại, tương ứng với 8.166 tỷ đồng doanh thu và 160,28 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

So với kế hoạch kinh doanh niên độ tài chính 2010 - 2011 thì sản lượng tiêu thụ và doanh thu lần lượt đạt 101%, 117% so với chỉ tiêu của phương án 3, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 107% (vượt 10 tỷ đồng) so với chỉ tiêu của phương án 1.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch kinh doanh NĐTC 2010 - 2011			Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	So sánh thực hiện/ kế hoạch theo từng PA (%)		
		PA 1	PA 2	PA 3		PA 1	PA 2	PA 3
1	2	3	4	5	6	$7 = (6/3) \times 100$	$8 = (6/4) \times 100$	$9 = (6/5) \times 100$
<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	320.000	343.340	377.920	381.999	119%	111%	101%
<b>Doanh thu</b>	Tỷ đồng	5.994	6.408	6.971	8.166	136%	127%	117%
<b>Lợi nhuận sau thuế hợp nhất</b>	Tỷ đồng	150	191	249	160	107%	84%	64%

So với kết quả kinh doanh của niên độ tài chính 2009 – 2010, sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Tập đoàn lần lượt tăng trưởng 45% và 67%. Trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi như năm 2011 thì đây là tốc độ tăng trưởng đáng khích lệ.

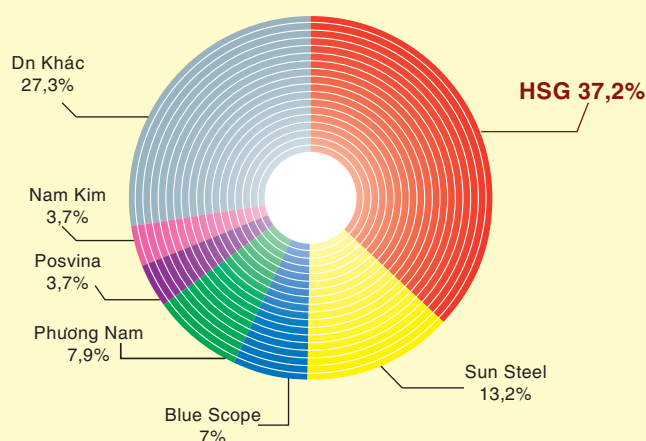


# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2009 - 2010	Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	NĐTC 2010-2011 so với NĐTC 2009-2010 (%)
1	2	3	4	$5 = (4/3) \times 100$
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	264.320	381.999	145%
Doanh thu	Tỷ đồng	4.899	8.166	167%

## 2. Thị phần tôn mạ

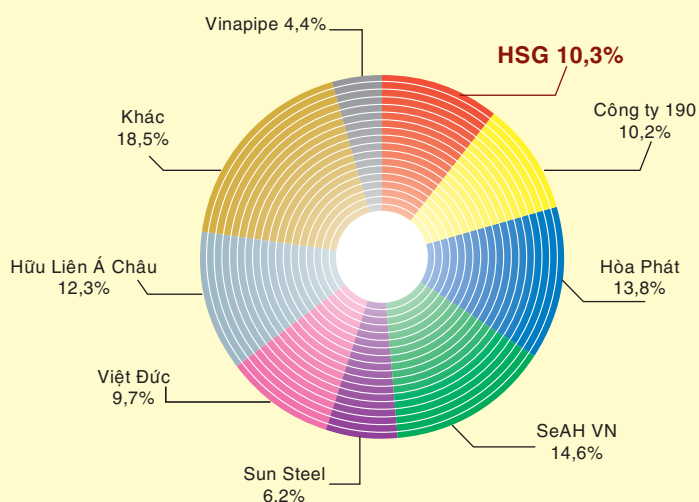
Niên độ tài chính 2010 – 2011, Tập đoàn Hoa Sen tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong ngành tôn mạ, chiếm 37% thị phần trong nước. Điều này khẳng định năng lực cạnh tranh mạnh mẽ của Tập đoàn khi vẫn gia tăng thị phần trong điều kiện kinh tế vĩ mô không thuận lợi.



Nguồn: Bản tin Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2010 và 2011. Không tính sản lượng bán của Công ty Perstima Việt Nam do tôn mạ thiếc không phục vụ ngành xây dựng.

## 3. Thị phần ống thép

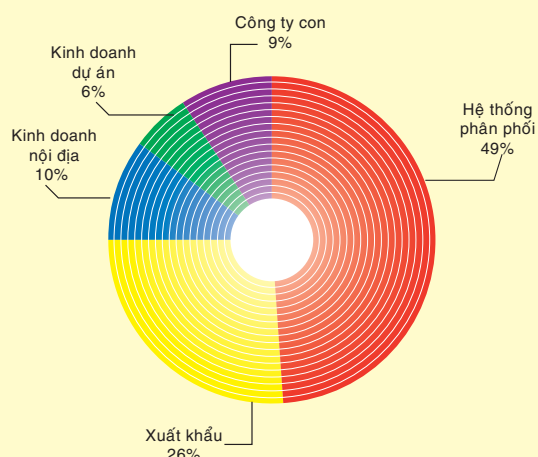
Niên độ tài chính 2010 – 2011, Ống thép Hoa Sen chiếm 10% thị phần, đưa Tập đoàn vào Top 5 doanh nghiệp dẫn đầu thị phần ống thép trong nước sau 3 năm đưa sản phẩm ra thị trường.



Nguồn: Bản tin Hiệp hội Thép Việt Nam năm 2010 và 2011.

## 4. Cơ cấu doanh thu theo kênh bán hàng

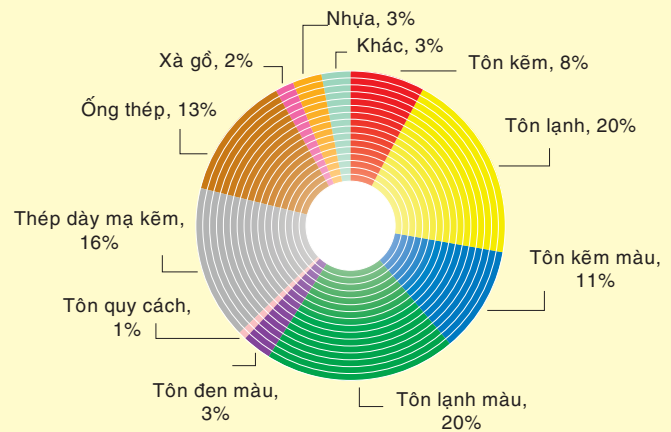
Trong niên độ tài chính 2010 – 2011, Hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ tiếp tục là kênh bán hàng chính khi chiếm 49% doanh thu. Đặc biệt, kênh xuất khẩu có sự tăng trưởng vượt bậc, vượt mức sản lượng 101 ngàn tấn, chiếm 26% doanh thu.



# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 5. Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm

Nhóm sản phẩm tôn mạ bao gồm các mặt hàng tôn kẽm, tôn lạnh, tôn kẽm màu, tôn lạnh màu, tôn đen màu, tôn quy cách tiếp tục là nhóm sản phẩm chủ lực, đóng góp 63% doanh thu. Tiếp theo đó là nhóm sản phẩm thép bao gồm các sản phẩm thép dày mạ kẽm, ống thép mạ kẽm, ống thép đen, xà gỗ mạ kẽm, xà gỗ đen đóng góp 31% doanh thu.



## 6. Tỷ trọng các loại chi phí trên doanh thu thuần theo báo cáo tài chính hợp nhất

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	NĐTC 2009 - 2010	NĐTC 2010 - 2011
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	264.320	381.999
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.899	8.166
3	Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	19,0	12,9
4	Chi phí hoạt động tài chính/Doanh thu thuần	%	7,6	5,6
5	Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	%	4,3	3,8
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	%	3,0	2,3

## 7. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo báo cáo tài chính hợp nhất

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	NĐTC 2009 - 2010	NĐTC 2010 - 2011
1	<b>Tỷ số thanh toán</b>			
	Thanh toán hiện tại	lần	1,0	0,9
	Thanh toán nhanh		0,4	0,3
2	<b>Tỷ số hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	lần	3,4	4,1
3	<b>Tỷ số đòn bẩy tài chính</b>			
	Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	62	70
	Nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu		167	232
	Tổng tài sản/ Vốn chủ sở hữu		267	332
4	<b>Tỷ số sinh lợi</b>			
	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,7	3,1
	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần		4,4	2,0
	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu		12,6	9,2
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/cp	2.241	1.622	

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011

Trong niên độ tài chính 2010 – 2011, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nhiều nhóm giải pháp điều hành về hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, kiểm soát và tiết giảm chi phí, phát triển nguồn nhân lực như sau:

### 1. Các giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh

- Giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cho từng đơn vị sản xuất kinh doanh, chi nhánh, theo từng tháng và giám sát đánh giá việc thực hiện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng.
- Đẩy mạnh mở rộng thị trường xuất khẩu, phân chia thị trường thành 4 khu vực, phân công nhân sự phụ trách từng khu vực, bổ nhiệm Ông Vũ Văn Bình đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám đốc Xuất nhập khẩu để nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu.
- Nắm bắt nhu cầu, thị hiếu, sản lượng tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng tại từng thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng, đảm bảo đủ quy cách, chủng loại cho nhu cầu bán hàng của các kênh bán hàng với giá bán phù hợp.
- Thực hiện phân chia thị trường và khách hàng, bảo đảm phối hợp giữa các đơn vị bán hàng trong hệ thống để không bỏ sót thị trường và khách hàng.
- Đẩy mạnh chương trình bán hàng cho các công trình, dự án trọng điểm.
- Thực hiện linh hoạt chính sách lương kinh doanh dựa trên doanh thu, lợi nhuận gộp theo biến động của thị trường; áp dụng chính sách thưởng tăng sản lượng đối với phần sản lượng vượt chỉ tiêu kế hoạch.
- Nâng tầm thương hiệu bằng việc tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước về vật liệu xây dựng; tài trợ chương trình “Vượt lên chính mình” của Đài truyền hình TP.HCM, Giải bóng đá hạng nhất Quốc gia – Cúp Tôn Hoa Sen 2011, Giải bóng đá Cúp Quốc gia - Nhựa Hoa Sen 2011 và các chương trình từ thiện xã hội; lắp đặt các bảng quảng cáo lớn ngoài trời tại các vị trí thuận lợi; tài trợ bảng hiệu cho các cửa hàng vật liệu xây dựng.
- Nâng cao tỷ trọng mặt hàng có tỷ lệ lợi nhuận cao do ưu thế về quy trình sản xuất kinh doanh khép kín mang lại.
- Chủ động thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ; kiểm tra thường xuyên việc thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Duy trì áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 về hệ thống quản lý chất lượng; thực hành nghiêm ngặt bộ tiêu chuẩn ISO 14000 về hệ thống quản lý môi trường; thực hiện bộ tiêu chuẩn OHSAS 18000 về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, quy chế, quy trình.

### 2. Các giải pháp về hoạt động đầu tư

- Đẩy nhanh tiến độ thi công giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, xây dựng và đề xuất Hội đồng Quản trị phê duyệt các phương án thưởng tiến độ cho Ban Quản lý Dự án, tạo không khí thi đua sôi nổi trên công trường. Các dây chuyền chính của Dự án đều hoàn thành đúng hoặc sớm hơn tiến độ, cho ra sản phẩm thương mại ngay từ ngày đầu tiên đưa vào vận hành, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu bán hàng của Tập đoàn. Ngày 08/8/2011, Tập đoàn chính thức khánh thành giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đầu tư, phát triển thêm 13 chi nhánh phân phối bán lẻ mới, chủ yếu tập trung tại thị trường miền Bắc. Tính đến 30/9/2011, Tập đoàn Hoa Sen đã có 106 chi nhánh phân phối bán lẻ.
- Tháng 8/2011, Tập đoàn khai trương showroom chuyên doanh ống nhựa đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh, thí điểm một kênh bán hàng mới trong việc kinh doanh sản phẩm Ống Nhựa Hoa Sen.
- Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng Quản trị về việc chuyển nhượng một số dự án bất động sản, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn Hoa Sen tại Dự án chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

### 3. Các giải pháp về kiểm soát và tiết giảm chi phí

- Thực hiện định mức hàng tồn kho chặt chẽ để hợp lý hoá nhu cầu vay ngắn hạn; cân đối cơ cấu các khoản vay ngắn hạn giữa USD và VND hợp lý theo từng thời kỳ để đạt được chi phí lãi vay hợp lý và giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá.
- Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu để bù đắp một phần nhu cầu ngoại tệ cho hoạt động nhập khẩu nguyên liệu để giảm thiểu rủi ro biến động tỷ giá.
- Giao định mức chi phí sản xuất cho từng đơn vị sản xuất, đánh giá thực hiện định mức hàng tháng, quý, 6 tháng để điều chỉnh định mức hợp lý, thưởng các đơn vị có các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm khuyến khích giảm định mức chi phí sản xuất, giảm giá thành.
- Xây dựng và thực hiện định mức tồn kho nguyên liệu, thành phẩm và phụ tùng thay thế ở mức hợp lý đồng thời tăng vòng quay hàng tồn kho để giảm chi phí lãi vay trong tình hình lãi suất cao.
- Theo dõi, dự báo, đánh giá biến động giá thép cuộn cán nóng, cán nguội để có quyết định mua hàng đúng thời điểm với giá phù hợp nhằm giảm chi phí đầu vào. Đa dạng hoá các nguồn cung cấp nguyên nhiên vật liệu để có giá mua tốt nhất với chất lượng phù hợp nhằm giảm chi phí sản xuất.
- Giao chi phí vốn, tính lãi hàng hóa tồn kho và lãi vay công nợ cho các đơn vị bán hàng, thường xuyên đánh giá hạn mức nợ, tuổi nợ, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi nợ để hạn chế tối đa nợ phải thu quá hạn và giảm thiểu rủi ro công nợ.
- Thực hiện chào giá cạnh tranh chi phí vận chuyển hàng hóa; thực hiện vận chuyển hàng hoá ra miền Bắc, miền Trung bằng đường biển để giảm tối đa chi phí vận chuyển.

### 4. Các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Từng bước áp dụng chính sách lương khoán theo sản lượng, doanh thu và lợi nhuận gộp tại các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế; áp dụng chính sách đãi ngộ cho CBCNV công tác tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ và Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen tại Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Áp dụng chính sách thưởng phạt gắn với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho CBCNV.
- Bổ nhiệm một số cán bộ trẻ có năng lực và phẩm chất tốt đảm nhận các vị trí quan trọng để thực hiện chủ trương trẻ hoá đội ngũ cán bộ của Hội đồng Quản trị.
- Thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ để nâng cao kỹ năng chuyên môn và nghiệp vụ, phát hiện nhân tài, phòng ngừa tiêu cực.
- Đào tạo hội nhập cho các CBCNV mới và đào tạo nghiệp vụ cho một số cán bộ dự nguồn để bổ sung nhân sự cho hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ và các đơn vị sản xuất kinh doanh.
- Hợp tác với Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh để tạo nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản cho công tác tuyển dụng cán bộ dự nguồn.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP NHẤT NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2011 - 2012

Căn cứ vào dự báo tốc độ phát triển của thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất và năng lực bán hàng của Tập đoàn, Hội đồng Quản trị giao kế hoạch kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2011 - 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	Kế hoạch NĐTC 2011 - 2012	So với thực hiện NĐTC 2010 - 2011	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6 = (4/3) x 100
Sản lượng tiêu thụ	Tấn	381.999	460.000	78.001	120%
Doanh thu	Tỷ đồng	8.166	10.126	1.960	124%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	160	240	80	150%

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh trên, theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra những giải pháp sau:

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị, thực hiện các giải pháp về điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm soát và tiết giảm chi phí, phát triển nguồn nhân lực như đã thực hiện trong niên độ trước.
- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỷ trọng xuất khẩu lên khoảng 30% tổng doanh thu, linh hoạt điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chi nhánh phân phối – bán lẻ.
- Xây dựng các kịch bản điều hành nhằm chủ động ứng phó kịp thời với các biến động thị trường.
- Thực hiện các chương trình tiếp thị sáng tạo, đa dạng, hiệu quả để xây dựng chuỗi thương hiệu Hoa Sen mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng, phù hợp với giá trị “Trung thực – Cộng đồng – Phát triển” của Tập đoàn.
- Phát triển nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, quản trị viên dự nguồn, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng quản lý cán bộ công nhân viên.
- Tập trung phát triển ngành kinh doanh cốt lõi: tôn, thép, nhựa. Chuẩn bị các điều kiện thuận lợi để sẵn sàng triển khai đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ theo chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.





## BAN KIỂM SOÁT

Từ trái qua phải: Bà Huỳnh Thị Hồng Vy, Ông Lê Vũ Nam, Ông Lý Văn Xuân.

### **Bà Huỳnh Thị Hồng Vy** Thành viên

Bà Huỳnh Thị Hồng Vy tốt nghiệp đại học chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp. Bà gia nhập Tập đoàn Hoa Sen ngay từ năm mới thành lập. Bà có kinh nghiệm chuyên sâu trong công tác kiểm soát, kiểm toán tại Tập đoàn. Bà được ĐHĐCĐ tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát tại Hội nghị thường niên ngày 27/3/2010.

### **Ông Lê Vũ Nam** Trưởng Ban

Ông Lê Vũ Nam là Tiến sĩ Luật học, chuyên ngành Luật Kinh tế. Hiện nay ông là Trưởng khoa Luật Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM. Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu và phát triển thị trường, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

### **Ông Lý Văn Xuân** Thành viên

Ông Lý Văn Xuân là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Y khoa. Ông là một cổ đông trung thành của Tập đoàn Hoa Sen. Ông hiện là Trưởng Phòng Đào tạo, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Với uy tín cá nhân và tâm huyết đối với Tập đoàn, tại Hội nghị thường niên ngày 27/3/2010, Ông được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên Ban Kiểm soát

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

## BÁO CÁO VỀ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011

### Công tác quản lý của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên tham gia quản lý điều hành và 2 thành viên độc lập phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

Tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị đều họp mở rộng do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì và có Ban kiểm soát tham dự. Những vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp là trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Việc thảo luận và biểu quyết là bảo đảm công khai, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

### Công tác điều hành của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Tập đoàn Hoa Sen.

Để kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, trong niên độ tài chính vừa qua, Tổng Giám đốc đã xây dựng, thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung trình Hội đồng Quản trị ban hành một số quy chế, quy trình quản lý nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và điều lệ Tập đoàn.

## THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 – 2011

### Tổ chức công tác tài chính - kế toán

Tập đoàn Hoa Sen đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính.

### Công tác chứng từ kế toán

Phiếu thu, phiếu chi, sổ phụ Ngân hàng và các chứng từ liên quan khác được Tập đoàn Hoa Sen quản lý chặt chẽ và đưa vào lưu trữ có hệ thống theo quy định, đáp ứng tốt cho việc kiểm tra.

### Công tác quản lý tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Định kỳ Tập đoàn Hoa Sen có kiểm quỹ, biên bản kiểm quỹ được lập theo quy định.

Việc thu chi tiền mặt và tiền gửi thực hiện theo đúng quy định

Tập đoàn Hoa Sen đã mở sổ kế toán và sổ quỹ theo đúng quy định hiện hành, ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các phiếu thu, phiếu chi và báo nợ/báo có của ngân hàng hàng ngày.

### Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính 2010 - 2011

Theo các báo cáo được Phó Tổng Giám đốc Trực trình bày tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ, số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH PricewaterhouseCoppers Việt Nam, Ban Kiểm soát cho rằng tình hình tài chính của Tập đoàn Hoa Sen ở trạng thái lành mạnh.

Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao.

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất niên độ tài chính 2010 – 2011 cho thấy doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt là 8.166 tỷ đồng và 160 tỷ đồng, lần lượt đạt 117% chỉ tiêu kế hoạch theo phương án 3 và 101% chỉ tiêu kế hoạch theo phương án 1 do Đại hội đồng cổ đông năm 2010 – 2011 đã thông qua.

## KIẾN NGHỊ

Tập đoàn Hoa Sen cần tăng cường hơn nữa công tác thanh kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Có chính sách hỗ trợ và phát triển nguồn nhân lực hiện tại nhằm phát triển nguồn nhân lực mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục đẩy mạnh tái cấu trúc Tập đoàn Hoa Sen.

## TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

(Đã ký)

Lê Vũ Nam

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Niên độ tài chính 2010 - 2011, lường trước diễn biến bất lợi của thị trường và các yếu tố kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo kịp thời và giám sát chặt chẽ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhằm thực hiện kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã giao phó.

### Họp Hội đồng Quản trị

Trong niên độ tài chính 2010 – 2011, Hội đồng Quản trị đã tiến hành đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng tháng và nhiều cuộc họp bất thường để kịp thời đưa ra các quyết sách về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai giai đoạn 1 Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ, đưa nhà máy đi vào hoạt động đúng kế hoạch để gia tăng năng lực sản xuất, bảo đảm sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền của Tập đoàn.
- Tập trung phát triển xuất khẩu.
- Đầu tư mở rộng hệ thống chi nhánh phân phối bán lẻ trong đó ưu tiên phát triển ở miền Bắc.
- Chỉ đạo thực hiện các chương trình tiếp thị sáng tạo, đa dạng, hiệu quả để xây dựng chuỗi thương hiệu Hoa Sen mạnh, thân thiện và hướng đến cộng đồng.
- Chỉ đạo thực hiện cân đối tỷ lệ loại đồng tiền vay linh hoạt, phù hợp với tình hình biến động của lãi suất và tỷ giá để tối ưu chi phí lãi vay.
- Hoàn thiện chính sách công nợ, tăng cường kiểm tra, kiểm soát công nợ tại các đơn vị kinh doanh.
- Tiếp tục hoàn thiện định mức sản xuất; kiểm soát và tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý; không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục thực hiện phát triển nguồn nhân lực, đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa, quản trị viên dự nguồn, nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng quản lý cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường xuyên tham gia cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của Ban Tổng Giám đốc để bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, chỉ đạo thực hiện kịp thời định hướng và các quyết sách của Hội đồng Quản trị.





Ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch HĐQT Tập Đoàn Hoa Sen (thứ 5 từ bên phải qua) là một trong 24 doanh nhân xuất sắc nhất của Giải thưởng "Ernst & Young Entrepreneur of the year" 2011 - Bản lĩnh Doanh nhân Lập nghiệp Việt Nam 2011

## Thay đổi cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

Kể từ tháng 4/2011, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc nhằm tách bạch vai trò lãnh đạo của Hội đồng Quản trị và vai trò điều hành của Ban Tổng Giám đốc để phù hợp các chuẩn mực quản trị công ty đại chúng theo Bộ Nguyên tắc quản trị công ty của OECD.

Tại Hội nghị bất thường ngày 16/6/2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc giảm số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ 7 thành viên còn 5 thành viên. Nhân sự Hội đồng Quản trị theo cơ cấu số lượng mới tính đến ngày 30/9/2011 như sau:

- Ông **Lê Phước Vũ** : Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Ông **Trần Ngọc Chu** : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- Ông **Nguyễn Văn Quý** : Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Ông **Phạm Gia Tuấn** : Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
- Ông **Lê Phụng Hào** : Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

## Thù lao của Hội đồng Quản trị

Chức danh	Mức thù lao/tháng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị	15.000.000 đồng
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	10.000.000 đồng
Thành viên Hội đồng Quản trị	8.000.000 đồng

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong niên độ tài chính 2010 – 2011, Ban Kiểm soát tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong việc giám sát, kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn nhằm bảo đảm các lợi ích của cổ đông. Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Thường xuyên tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị với sự tham gia đầy đủ của các thành viên trong Ban kiểm soát, qua đó đóng góp ý kiến và có những đề xuất giải pháp kịp thời giúp Công ty vượt qua những giai đoạn khó khăn.
- Xem xét các báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con; Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn; các khoản công nợ, hàng tồn kho, chứng từ thu chi, xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Kiểm tra tiến độ triển khai, hồ sơ hợp đồng ký kết, hồ sơ quyết toán với các nhà thầu tại Dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ giai đoạn 1, Dự án Nhà máy ống thép, ống nhựa và vật liệu xây dựng Hoa Sen giai đoạn 2.
- Phối hợp cùng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ thực hiện các đợt kiểm tra hoạt động của các chi nhánh.

## Thù lao của Ban Kiểm soát

Chức danh	Mức thù lao/tháng
Trưởng Ban	7.000.000 đồng
Thành viên	5.000.000 đồng

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### QUAN HỆ KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC



Ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch HĐQT hướng dẫn khách tham quan Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ

Ngày 08/8/2011 hơn 800 khách hàng, đối tác trong và ngoài nước đã cùng tham dự buổi Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Tập đoàn Hoa Sen và Khánh thành Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ có quy mô sản xuất tôn mạ lớn nhất Đông Nam Á. Buổi lễ được tổ chức như lời tri ân đối với các cơ quan ban ngành, các khách hàng, đối tác thân thiết của Tập đoàn Hoa Sen trong nhiều năm qua.

### QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

- Tổ chức thành công Hội nghị thường niên Đại hội đồng cổ đông HĐQT 2010 - 2011 vào ngày 19/3/2011 và Hội nghị bất thường lần 1 Đại hội đồng cổ đông HĐQT 2010 - 2011 vào ngày 16/6/2011.
- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010.
- Tham gia Hội thảo đầu tư do Công ty Chứng khoán Kim Eng (USA) tổ chức tại TP Hồ Chí Minh ngày 09/9/2011
- Đón tiếp Đoàn CEO các doanh nghiệp thuộc Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc (Korea International Trade Association – KITA) tham quan Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.
- Thường xuyên tổ chức các buổi trao đổi về cơ hội đầu tư vào Tập đoàn Hoa Sen với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.
- Thực hiện Bản Tin HSG định kỳ vào mỗi quý nhằm thêm kênh thông tin cho nhà đầu tư, cổ đông về Tập đoàn Hoa Sen.



Tiếp Đoàn CEO các doanh nghiệp thuộc Hiệp hội Thương mại Hàn Quốc (KITA)

# QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

## QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG



Bóng đá trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt



Chương trình Vượt lên chính mình



Đón giao thừa cùng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn



Công bố tài trợ bóng đá



Ngày thứ bảy tình nguyện vì cộng đồng



Hội trại tuổi trẻ Phật giáo

## NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ



<b>Địa chỉ trụ sở:</b>	Đường số 1B, KCN Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
<b>Điện thoại:</b>	064 3924790
<b>Fax:</b>	064 3924796
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD:</b>	3700381324-095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 19 tháng 7 năm 2010.
<b>Người đại diện theo pháp luật:</b>	Ông Hoàng Đức Hoàng – Giám đốc Nhà máy
<b>Ngành nghề kinh doanh:</b>	Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác. Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn, sản xuất thép cán nóng dạng cuộn.

**Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%**

### QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Tập đoàn đã xây dựng thành công nhà máy sản xuất tôn mạ có quy mô lớn nhất Đông Nam Á tính đến thời điểm hiện tại trên diện tích 16,7 hecta bao gồm: 87.542 mét vuông nhà xưởng, 690 mét vuông văn phòng làm việc, trạm biến thế 110 Kv, hệ thống xử lý nước thải và tái sinh nước, hệ thống sản xuất tôn mạ khép kín, ứng dụng công nghệ hiện đại nhất trong ngành tại Việt Nam; được đầu tư với chi phí thấp nhất và thi công trong thời gian nhanh nhất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình. Tổng vốn đầu tư giai đoạn 1 của Dự án là 1.782.616.175.000 đồng

## NHÀ MÁY TÔN HOA SEN PHÚ MỸ

Thời gian	Nội dung
Tháng 12/2007	Nhận Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000080 của dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
Tháng 05/2009	Chính thức khởi công giai đoạn 1 dự án Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.
Tháng 12/2009 đến tháng 02/2010	Đưa vào hoạt động Cụm lò ủ số 01 công suất 42.000 tấn/năm; Dây chuyền cắt tấm công suất 50.000 tấn/năm; Dây chuyền xẻ băng công suất 150.000 tấn/năm.
Tháng 3/2010 đến tháng 04/2010	Đưa vào hoạt động Dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép dày) công suất 450.000 tấn/năm và Dây chuyền mạ màu công suất 180.000 tấn/năm.
Tháng 01/2011 đến tháng 02/2011	Đưa vào hoạt động Dây chuyền mạ kẽm/ nhôm kẽm (công nghệ NOF - thép mỏng) công suất 100.000 tấn/năm; Dây chuyền tẩy rỉ công suất 700.000 tấn/năm; Dây chuyền cán nguội 1 công suất 200.000 tấn/năm.
Tháng 07/2011 đến tháng 08/2011	Đưa vào hoạt động Dây chuyền tái sinh a-xít công suất 5.000 lít/giờ; Dây chuyền cán nguội 2 công suất 200.000 tấn/năm.

Niên độ tài chính 2010 - 2011 vừa qua, Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ đã cung ứng 277.334 tấn thành phẩm các loại. Dự kiến trong niên độ tài chính 2011 - 2012 này, Nhà máy sẽ cung ứng 361.000 tấn thành phẩm các loại, tăng hơn 30% so với niên độ vừa qua.



## CÁC CÔNG TY CON

### CÔNG TY TNHH MTV TÔN HOA SEN



<b>Địa chỉ trụ sở:</b>	Số 09 Đại lộ Thống nhất, KCN Sóng Thần II, P.Đĩ An, TX.Đĩ An, Bình Dương
<b>Điện thoại:</b>	06503.737.200
<b>Fax:</b>	06503.737.904
<b>Vốn điều lệ:</b>	280.000.000.000 đồng (hai trăm tám mươi tỷ đồng).
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD:</b>	Số 3700763651 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 6 năm 2011.
<b>Người đại diện theo pháp luật:</b>	Ông Vũ Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng Thành viên
<b>Giám đốc điều hành:</b>	Ông Nguyễn Tấn Hòa

#### Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%

Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen (tiền thân là Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen) hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất thép cán nguội. Ngày 06 tháng 4 năm 2007, Công ty Cổ phần Tôn Hoa Sen khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động dây chuyền cán nguội công suất 180.000 tấn/năm. Đây là dây chuyền cán nguội đầu tiên thuộc sở hữu doanh nghiệp ngoài quốc doanh vào thời điểm đó. Việc đưa dây chuyền cán nguội vào hoạt động đã tạo nên mắt xích quan trọng trong chuỗi lợi thế cạnh tranh của Tập đoàn, cung cấp phần lớn nguồn nguyên liệu đầu vào cho các dây chuyền mạ và dây chuyền sản xuất ống thép của Tập đoàn.

## CÁC CÔNG TY CON

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2010 - 2011	Kế hoạch NĐTC 2011 - 2012	So với thực hiện NĐTC 2010 - 2011	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	2	3	4	5	$6 = 5 - 4$	$7 = (6/4) \times 100$
1	Sản lượng tiêu thụ thép cán nguội	Tấn	155.242	138.000	(17.242)	89%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.916	2.718	(198)	93%
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	63	64	1	102%

Ghi chú: Theo kế hoạch niên độ tài chính 2011 - 2012, Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen cán hàng mỏng có giá trị cao nên sản lượng và doanh thu giảm nhưng lợi nhuận gộp tăng.

### CÔNG TY TNHH MTV VẬT LIỆU XÂY DỰNG HOA SEN



<b>Địa chỉ trụ sở:</b>	KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
<b>Điện thoại:</b>	064.3923231
<b>Fax:</b>	064.3923230
<b>Vốn điều lệ:</b>	150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng).
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD:</b>	Số 3500786179 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 18/12/2007.
<b>Người đại diện theo pháp luật:</b>	Ông Trần Ngọc Chu- Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
<b>Giám đốc điều hành:</b>	Ông Bùi Thanh Tâm.
<b>Ngành nghề kinh doanh chính:</b>	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng bao gồm: ống thép, ống thép mạ kẽm; ống nhựa và phụ kiện ống nhựa.

**Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%**

## CÁC CÔNG TY CON

### NHỮNG HOẠT ĐỘNG TIÊU BIỂU TRONG NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011

- Hoàn thành Dự án Nhà máy ống thép, ống nhựa và vật liệu xây dựng Hoa Sen giai đoạn 2.
- Khai trương Showroom chuyên doanh ống nhựa Hoa Sen tại số 689, quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, TP.HCM.
- Tài trợ chương trình “Vượt lên chính mình” của Đài truyền hình TP.HCM và Giải bóng đá Cúp Quốc gia - Nhựa Hoa Sen trong ba năm 2010, 2011, 2012.
- Giải thưởng: Ống Thép Hoa Sen và Ống Nhựa Hoa Sen đoạt cúp vàng và huy chương vàng tại Triển lãm Quốc tế Vietbuild năm 2011.

### CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN TIÊU BIỂU SỬ DỤNG ỐNG NHỰA HOA SEN

- Các dự án cung cấp nước sạch của các quận, huyện thuộc TP.HCM, các tỉnh miền Đông Nam bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- Dự án bơm cát tại Nhà máy nhiệt điện tỉnh Trà Vinh, Sân bay Phú Quốc;
- Công trình cầu đường tại Đà Nẵng, Cầu Phú Mỹ - TP.HCM;
- Dự án xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Tân Đức - Long An và Khu công nghiệp Tây Bắc - Củ Chi;



### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĐTC 2010 - 2011 VÀ KẾ HOẠCH NĐTC 2011 - 2012

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện NĐTC 2010-2011	Kế hoạch NĐTC 2011 - 2012	So với thực hiện NĐTC 2010 - 2011	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6 = (4/3) x 100
<b>Sản lượng</b>	Tấn	70.512	97.000	26.488	130%
<b>Doanh thu thuần</b>	Tỷ đồng	1.315	1.800	485	136%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	Tỷ đồng	79,6	110	30,4	130%



## CÁC CÔNG TY CON

### CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ CƠ KHÍ HOA SEN



<b>Địa chỉ trụ sở:</b>	Số 09 Đại lộ Thống nhất, KCN Sóng Thần II, P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Bình Dương
<b>Điện thoại:</b>	0650.3737999
<b>Fax:</b>	0650.3737999
<b>Vốn điều lệ:</b>	16.276.000.000 đồng (mười sáu tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).
<b>Giấy chứng nhận ĐKKD:</b>	Số 3700785528 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/12/2007.
<b>Người đại diện theo pháp luật:</b>	Ông Vũ Văn Thanh - Chủ tịch Hội đồng Thành viên.
<b>Ngành nghề kinh doanh:</b>	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Hoạt động kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Cho thuê phương tiện vận tải, Sửa chữa xe ô tô, mua bán vật tư, thiết bị phụ tùng ô tô.

#### Tập đoàn Hoa Sen sở hữu 100%

Niên độ tài chính 2010 - 2011 vừa qua, Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen đã vận chuyển 96.437 tấn. Dự kiến trong niên độ tài chính 2011 - 2012 này, công ty sẽ vận chuyển 109.360 tấn, tăng hơn 13% so với niên độ vừa qua.

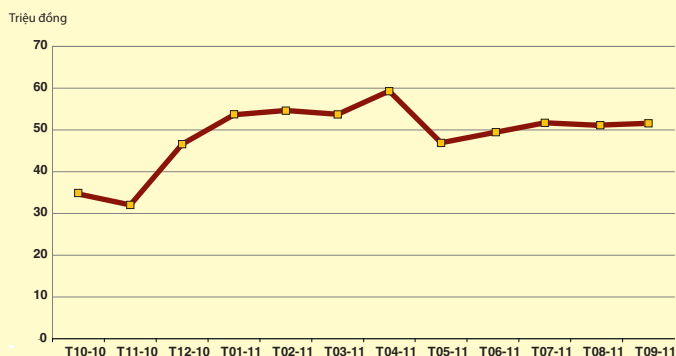
# NGUỒN NHÂN LỰC



## SỐ LƯỢNG VÀ MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

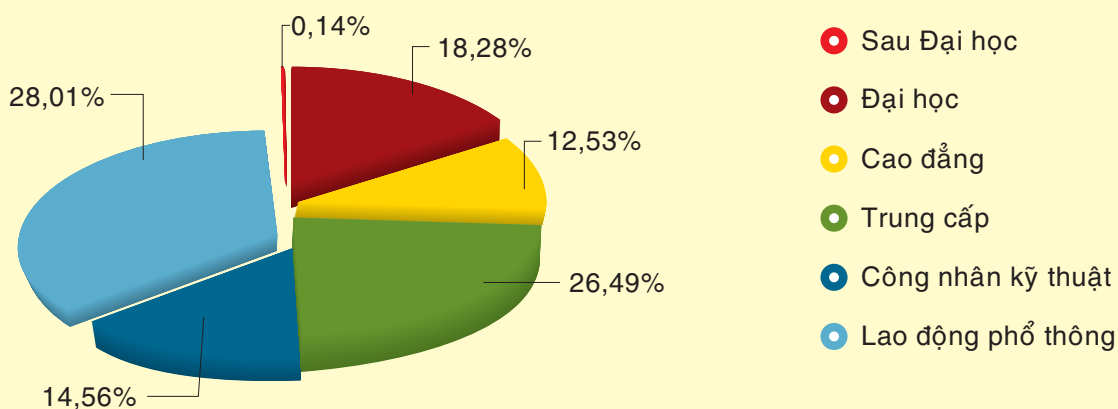
Tính đến ngày 30/9/2011, tổng số cán bộ công nhân viên của Tập đoàn Hoa Sen là 2.960 người. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong 3 niên độ tài chính gần nhất lần lượt là 3.928.000 đồng/người/tháng, 4.850.000 đồng/người/tháng, 5.735.000 đồng/người/tháng.

## MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA BAN TGD



Ghi chú: Thu nhập bình quân tháng 4/2011 tăng cao do thanh toán tiền ngày phép năm cho Ban TGD HĐQT 2009 - 2010

## CƠ CẤU TRÌNH ĐỘ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN HĐQT 2010 - 2011



## CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chính sách lương và phụ cấp

Mặc dù lợi nhuận không đạt như kỳ vọng bởi tình hình kinh tế vĩ mô khó khăn, Tập đoàn vẫn 2 lần tăng mức lương tối thiểu cho CBCNV theo quy định của Chính phủ vào tháng 01/2011 và tháng 07/2011, đồng thời đã điều chỉnh chính sách lương áp dụng cho một số CBCNV có thu nhập thấp nhằm bù đắp trượt giá do lạm phát cao. Bên cạnh đó, Tập đoàn đã ban hành, áp dụng và hoàn thiện một số chính sách lương kinh doanh dựa trên sản lượng, doanh thu và lợi nhuận gộp cho các bộ phận hưởng lương kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực và tạo được tính cạnh tranh so với thị trường.

Chính sách phụ cấp được xây dựng với từng nhóm công việc bao gồm phụ cấp thu hút, phụ cấp lưu động, phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp dự nguồn, phụ cấp điện thoại,... Đây là phần thu nhập cộng thêm giúp người lao động yên tâm công tác.

### Chế độ bảo hiểm xã hội

Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tập đoàn Hoa Sen thực hiện theo đúng qui định pháp luật và đảm bảo toàn thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Nhiều năm liền Tập đoàn thực hiện tốt công tác bảo hiểm và nhận bằng khen của Bảo hiểm Xã hội Bình Dương. Trong niên độ tài chính 2010-2011, Tập đoàn đã 02 lần điều chỉnh mức đóng bảo hiểm cho người lao động theo quy định mức lương tối thiểu của Chính phủ vào tháng 01/2011 và tháng 07/2011.

### Chính sách khen thưởng

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho CBCNV bao gồm: thưởng kinh doanh theo quý và năm, thưởng hoàn thành dự án trước tiến độ, thưởng lương tháng 13, thưởng CBCNV xuất sắc, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật.



Các khóa đào tạo tại Tập đoàn Hoa Sen

### Chế độ chính sách khác

Ngoài việc thực hiện hỗ trợ suất ăn trưa, ăn giữa ca, cấp phát đồng phục, trang thiết bị bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn 24/24, Tập đoàn còn áp dụng các chế độ phúc lợi như thưởng vào các ngày Tết Nguyên đán, Tết Trung thu, ngày kỷ niệm thành lập Tập đoàn 8/8, ngày Quốc tế Phụ nữ và ngày Phụ nữ Việt Nam cho CBCNV nữ, hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn.

## CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tập đoàn tiếp tục hợp tác với các trường thành viên thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM, các trường đại học, cao đẳng khu vực Bình Dương, Bà Rịa – Vũng Tàu qua các hình thức tài trợ học bổng, tham dự ngày hội việc làm, hội thảo về chất lượng đào tạo,... để thực hiện chiến lược thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tập đoàn tiếp tục tuyển dụng sinh viên khá, giỏi của các trường đại học uy tín trong cả nước để đưa vào chương trình đào tạo "Quản trị viên dự nguồn" nhằm phát triển thành những cán bộ quản lý nòng cốt trong tương lai.

Tập đoàn duy trì chương trình đào tạo hội nhập cho các nhân viên mới và một số chương trình đào tạo nội bộ nâng cao kỹ năng mềm cho cán bộ công nhân viên.

## HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ



Các hoạt động chào mừng ngày thành lập Tập đoàn 8/8/2011

Niên độ tài chính 2010 – 2011, Công đoàn cơ sở đã có nhiều hoạt động sôi nổi, góp phần cùng Ban Tổng Giám đốc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CB.CNV như: (i) Thăm hỏi, động viên và hỗ trợ đoàn viên khi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, hiếu, hỷ, thuê xe đưa CB.CNV về quê đón tết; (ii) Tổ chức giao lưu, các hoạt động vui chơi và tặng quà cho nữ CBNV nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, tặng quà cho con CBCNV đạt danh hiệu học sinh giỏi và nhân ngày Quốc tế thiếu nhi; (iii) Quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai lũ lụt.



Công đoàn phối hợp với các đơn vị tổ chức một số hoạt động chào mừng 10 năm ngày thành lập Tập đoàn: Giải bóng đá Mini Cúp Hoa Sen nội bộ, Giải bóng đá Mini Cúp Hoa Sen mở rộng, “Ngày hội Hoa Sen Khỏe”, “Tiếng hát Sen Vàng”.

Với các hoạt động phong phú, thực hiện tốt vai trò Công đoàn cơ sở, đóng góp tích cực cho công tác công đoàn tại địa phương, nhiều cán bộ công đoàn được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc tặng bằng khen, giấy khen. Đặc biệt, Tập thể Ban Chấp hành Công đoàn vinh dự nhận được Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập Tập đoàn.



# THÔNG TIN CỔ PHẦN

## THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ: 1.007.907.900.000 đồng  
 Mã chứng khoán: HSG  
 Nơi niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
 Ngày bắt đầu niêm yết: 05/12/2008  
 Số lượng cổ phiếu niêm yết: 100.790.790 cổ phiếu  
 Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.020.012 cổ phiếu  
 Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 98.770.778 cổ phiếu  
 Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu tại ngày 30/9/2011:  
 18.049 đồng/cp



Biến động giá và khối lượng giao dịch cổ phiếu HSG từ 01/10/2010 đến 30/9/2011

Nguồn: CTCP Chứng khoán VNDirect

## Thông tin về cổ tức

Trong các năm qua, Tập đoàn Hoa Sen luôn đạt mức lợi nhuận cao và có mức trả cổ tức ổn định cho cổ đông. Tỷ lệ cổ tức chi trả cho cổ đông qua các niên độ tài chính như sau:

Niên độ tài chính	Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	Ghi chú
2008	30%	20% cổ tức bằng tiền, 10% bằng cổ phiếu
2008 - 2009	20%	Cổ tức bằng cổ phiếu
2009 - 2010	Không quá 15%	Đã trả cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 5% bằng tiền

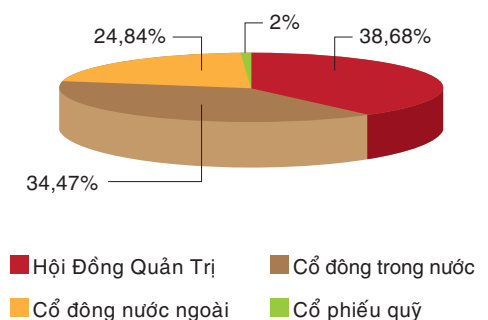
## Các dữ liệu thống kê về cổ phần

### Cơ cấu cổ đông

Căn cứ danh sách cổ đông tại ngày 16 tháng 05 năm 2011, cơ cấu cổ đông của Tập đoàn Hoa Sen như sau:

Stt	Thành phần cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Hội đồng Quản trị	38.990.852	38,68%
2	Cổ đông trong nước	34.744.700	34,47%
	Cá nhân	31.273.248	31,03%
	Tổ chức	3.471.452	3,44%
3	Cổ đông nước ngoài	25.035.226	24,84%
	Cá nhân	234.704	0,23%
	Tổ chức	24.800.522	24,61%
4	Cổ phiếu quỹ	2.020.012	2,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100.790.790</b>	<b>100,00%</b>

### Cơ cấu cổ đông của Tập đoàn Hoa Sen



## Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Phước Vũ	Số 19 Giang Văn Minh, KP.4, Phường An Phú, Quận 2, Tp.HCM	38.688.652	38,39%

# THÔNG TIN CỔ PHẦN

## Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Phước Vũ	Số 19 Giang Văn Minh, KP.4, An Phú, Quận 2, TP.HCM	38.688.652	38,39%
2	Hồ Văn Hoàng	Xã Định Trung, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	415.569	0,41%
3	Hoàng Đức Huy	37/260L, Quang Trung, P.12, Quận Gò Vấp, TP.HCM	86.400	0,09%

## Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội Đồng Quản Trị

STT	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Chủ tịch	Lê Phước Vũ	Số 19 Giang Văn Minh, KP.4, An Phú, Quận 2, TP.HCM	38.688.652	38,39%
2	Phó Chủ tịch	Trần Ngọc Chu	285/7/10A CMT.8, P.12, Quận 10, TP.HCM	86.400	0,09%
3	Thành viên	Lê Phụng Hào	120/17 Trần Đình Xu, Quận 1, TP.HCM	50.200	0,05%
4	Thành viên	Phạm Gia Tuấn	12/18 Phan Kế Bính, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	79.200	0,08%
5	Thành viên	Nguyễn Văn Quý	92 Đường số 3, KP8, Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP.HCM	86.400	0,09%

## Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng

Stt	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	TGD	Trần Ngọc Chu	285/7/10A CMT8, P.12, Quận 10, TP.HCM	86.400	0,09%
2	PTGD	Hoàng Đức Huy	37/260L Quang Trung, P.12, Quận Gò Vấp, TP. HCM	86.400	0,09%
3	PTGD	Vũ Văn Bình	38/212 Quang Trung, P.10, Quận Gò Vấp, TP.HCM	65.174	0,06%
4	PTGD	Trần Quốc Trí	Tổ 7, An Sơn, Thanh An, Bình Long, Bình Phước	34.368	0,03%
5	PTGD	Vũ Văn Thanh	140/2 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM	15.552	0,02%
6	Quyền PTGD	Nguyễn Minh Khoa	54 Đường số 5, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, TP.HCM	6.100	0,01%
7	KTT	Nguyễn Thị Ngọc Lan	860/60X/39 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Bình Thạnh, TP.HCM	23.184	0,02%

# THÔNG TIN CỔ PHẦN

## Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ban Kiểm Toán

Stt	Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Trưởng ban	Lê Vũ Nam	9/1 Phan Tôn , P.Đakao, Quận 1, TP.HCM	9.000	0,01%
2	Thành viên	Lý Văn Xuân	8-CX Văn Chung, Quang Trung, P.10, Quận Gò Vấp, TP.HCM	86.400	0,09%
3	Thành viên	Huỳnh Thị Hồng Vy	34/10A ấp Trung Lân, Bà Điểm, Hóc Môn, TP.HCM	4.320	0,00%

## Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của cổ đông có liên quan đến cổ đông nội bộ

Stt	Họ tên cổ đông nội bộ	Họ tên cổ đông có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông nội bộ	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Lê Phước Vũ	Hoàng Thị Xuân Hương	Vợ	Số 19 Giang Văn Minh, khu phố 4, P.An Phú, quận 2, TP.HCM	676.800	0,67%
		Lê Hoàng Vũ Trí	Con	Số 19 Giang Văn Minh, khu phố 4, P.An Phú, quận 2, TP.HCM	72.000	0,07%
2	Hoàng Đức Huy	Hoàng Đức Hoàng	Em	200 Trần Hưng Đạo, P.1, Thị xã Tây Ninh, T.Tây Ninh	15.552	0,02%
		Hoàng Thị Xuân Hương	Em	Số 19 Giang Văn Minh, khu phố 4, P.An Phú, quận 2, TP.HCM	676.800	0,67%
		Hoàng Đức Cảnh	Em	37/260P Quang Trung, P.12, Q.Gò Vấp, TP.HCM	10.454	0,01%
3	Nguyễn Minh Khoa	Nguyễn Thị Minh Thu	Em	54 Đường số 5, Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, TP.HCM	8.709	0,01%
4	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nguyễn Thị Ngọc Châu	Em	860/60X/39 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	9.000	0,01%
5	Lý Văn Xuân	Võ Thị Sơn Ca	Vợ	5/1 Quang Trung, P.11, Quận Gò Vấp, TP.HCM	18.000	0,02%
		Lý Khánh Vân	Con	08 C/X Văn Chung Quang Trung, P.10, Quận Gò Vấp, TP.HCM	9.000	0,01%
6	Huỳnh Thị Hồng Vy	Trần Minh Phương	Chồng	Ân Thạnh, Hoài An, Bình Định	5.480	0,01%

# HỆ THỐNG CHI NHÁNH

STT	Tên Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	STT	Tên Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
<b>KHU VỰC TÂY NAM BỘ</b>							
1	Năm Căn	Ấp Cái Nai, TT. Năm Căn, H. Năm Căn, T. Cà Mau	0780.3876703	25	Bình Minh	622A, ấp Thuận Tiến B, xã Thuận An, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long	070.3750711
2	Cà Mau	39 Lý Thường Kiệt, Khóm 7, F6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0780.3826699	26	Vũng Liêm	Ấp Trung Xuân, Xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long	0703.976282
3	Bạc Liêu	D01/10 QL1A, Trà Kha, P8, Tx Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	0781.3829843	27	Trà Vinh	QL60, Khóm 6, P8. TX Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	074.3842546
4	Sóc Trăng	QL1A, P2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	079.3611212	28	Vĩnh Long	Ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	070.3816434
5	Phụng Hiệp	Khu Vực 3, P. Hiệp Thành, TX. Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	0711.3867887	29	Cái Bè	QL1A, Ấp An Thái, Xã An Cư, H.Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	073.3923409
6	Vị Thanh	Trần Hưng Đạo, khu vực 3, Phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	0711.3870137	30	Châu Thành - Bến Tre	Ấp 5, xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	075.3612698
7	Vĩnh Thuận	Tổ 39 Ấp Vĩnh Đông 2, TT Vĩnh Thuận, H. Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang	077.3561336	31	Bến Tre	109D Nguyễn Đình Chiểu, KP3, F8, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre	075.3811794
8	An Biên	Tổ 17, ấp Đông Thành, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang	077.3524259	32	Thủ Thừa	Ấp Bình Cang 1, xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An	072.3820522
9	Kiên Lương	Ấp kênh Tám Thuộc, TT Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	077.3765055	33	Tân Thạnh	KP3, TT Tân Thạnh, H.Tân Thạnh, tỉnh Long An	072.3941013
10	Rạch Giá	67 CMT8, P.Vĩnh Lợi, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	077.3912450	34	Bến Lức	ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0918 449719
<b>KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ</b>							
11	Lộ Tê	Số 454, tổ 16, Khu Vực Thới Hoà, P.Thới Thuận, Q.Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ	076.3831844	35	Trảng Bàng	Tổ 6, Ấp An Bình, Xã An Tịnh, H.Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh	066.3896733
12	Cần Thơ	143 KV5, CMT8, P. An Thới, Q.Bình Thủy, Tp.Cần Thơ	0710.3887581	36	Gò Dầu	Ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh	066.3533838
13	Vĩnh Thạnh	1255, ấp Lân Quới 1, xã Thanh Mỹ, huyện Vĩnh Thạnh, Tp.Cần Thơ.	0710.3641828	37	Thống Nhất	65 QL 1A, ấp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	0613.768503
14	Cái Răng	Quốc lộ 1A, Khu vực 2, phường Ba Láng, Quận Cái Răng, Tp.Cần Thơ	0710.3910001	38	Long Khánh	Khu 9, ấp Cẩm Tân, xã Xuân Tân, Tx Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	0613.721266
15	Tri Tôn	Khóm 1, TT Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	076.3772949	39	Định Quán	Lô SKK 97A, KCN Định Quán, xã La Ngà, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai	0613.633855
16	Châu Đốc	QL91, Khóm Hoà Bình, P. Vĩnh Mỹ, Tx Châu Đốc, tỉnh An Giang	076.3560510	40	Ngãi Giao	QL56, Thôn Tân Phú, Xã Bàu Chinh, H. Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0643.962358
17	Phú Tân	Khóm Long Hưng 2, P. Long Sơn, Tx Tân Châu, tỉnh An Giang	076.3533435	41	Tân Thành	Ấp Bến Đình, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0643.931828
18	Long Xuyên	Tổ 12, Khóm Bình Đức 5, F. Bình Đức, Tp Long Xuyên, tỉnh An Giang	076.3650738	42	Xuyên Mộc	QL55, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0643.782888 0643.782999
19	Chợ Mới	Ấp Mỹ Hòa, TT Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	076.3626376	43	Tân Phú	142, ấp Thọ Lâm 3, QL20, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai	0613.696629
20	Hồng Ngự	QI 30, Phường An Lộc, Tx. Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp	067.3836771	44	Đức Linh	Thôn 4, xã Đức Chính, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận	0623.887898
21	Tam Nông	Thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.	067.3829658	45	Hàm Tân	Thôn Đá Mài, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	0623.872888
22	Cao Lãnh	QL30, P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	067.3857316	46	Phan Thiết	Lô 4/1 KCN Phan Thiết, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận	0623.829124
23	Châu Thành-Đồng Tháp	Ấp An Hòa, Xã Tân Bình, huyện Châu Thành, Đồng Tháp	067.3868156	47	Phan Rí	Thôn Bình Liêm, xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	0623.862151
24	Mỹ Hòa	Khóm Tây Huê 1, phường Mỹ Hòa, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	076.3949952	48	Hàm Thuận Nam	QL 1A, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	062.3899559



STT	Tên Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	STT	Tên Chi Nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
49	Phú Giáo	Đường DT741, tổ 5, ấp Vĩnh An, Xã Vĩnh Hòa, Phú Giáo, Bình Dương	06503.69511306	<b>KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ</b>			
50	Quận 9	628 Quốc lộ 52, KP 1, P. Phước Long B, Q9, Tp. HCM	08.37281512	83	Huế	QL1A, xã Hương Văn, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế	054.3777156
51	An Sương	194D/4 Khu phố 3, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp. HCM	08.37189402	84	Quảng Trị	Thôn An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	053.3565222
52	Phước Long	Tổ 01, KP 09, P. Long Phước, Tx Phước Long, Bình Phước.	06513 713 006	85	Quảng Bình	Đường F325, TK 12, phường Bắc Lý, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	052.3859356
53	Bình Dương	612 Đại Lộ Bình Dương, P.Hiệp Thành, Tx Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0650.3824495	86	Hà Tĩnh	Xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	039.3690617
54	Bến Cát	Đại lộ Bình Dương, ấp 3B, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0650.357711206	87	Nghệ An	Xóm 14, xã Nghi Kim, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.	038.3516469
55	Chơn Thành	Số 31, tổ 1, ấp 1, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước	0651.3668494	88	Thanh Hoá	QL 1A, thôn Quyết Thắng, xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá	037.8755667
56	Đồng Xoài	Số 602, Đường Phú Riêng Đò, KP Tân Trà, P. Tân Xuân, Tx Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	0651.3883196	89	Bỉm Sơn	Khu 6, phường Bắc Sơn, TX Bỉm Sơn, Thanh Hóa, Việt Nam	037.3763996
<b>KHU VỰC MIỀN TRUNG TÂY NGUYÊN</b>				90	Diễn Châu	Khu công nghiệp nhỏ, xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	038.3620685
57	Đức Trọng	413 QL 20, TT Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	063.3646229	<b>KHU VỰC BẮC BỘ</b>			
58	Phan Rang	KP6, P. Phủ Hà, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	0683.833845 0683.833846	91	Hà Nội	Lô A6 - 2, Khu Công Nghiệp Hà Nội - Đại Tư, số 386 đường Nguyễn Văn Linh, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội	04.36559905
59	Cam Ranh	QL 1A, Khóm Xuân Ninh 2, P. Cam Phúc Nam, Tx Cam Ranh, tỉnh Khánh Hoà	0583.860402	92	Sơn La	KCN Chiềng Sinh, P. Chiềng Sinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La.	022.3774.280
60	Hàm Thuận Nam	QL 1A, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	0623.899559	93	Ninh Bình	Quốc lộ 1A, TT Thiên Tôn, Huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	030.3626668
61	Gia Nghĩa	đường Hùng Vương, tổ 6, P. Nghĩa Thành, Tx Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	0501.3545016	94	Hòa Bình	Xóm Trung, xã Trung Minh, Tp Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	0218.3843737
62	Đak Mil	Thôn 1, xã Đức Mạnh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đắk Nông.	0501.3750878	95	Quảng Ninh	Thôn Trại Thành 1, xã Đông Mai, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh	033.3553768
63	Đắc Lắc	566 Lê Duẩn, P Eatam, Tp. Ban Mê Thuột, Đăk Lăk	0500.3954056	96	Yên Bái	xã Hợp Minh, Tp Yên Bái, tỉnh Yên Bái	029.3710456
64	Eakar	Thôn An Cư, xã Cư Huê, huyện Ea Kar, tỉnh Đak Lak	0500.3627064	97	Phú Thọ	Khu 12, xã Kim Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	0210.3736386
65	Krông Păk	Thị trấn Phước An, huyện Krông Pak, tỉnh Đăk Lăk	0500.3519744	98	Hà Nam	thôn Lão Cầu, xã Tiên Tân, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	0351.3595616
66	Buôn Hồ	Số 517 Hùng Vương, tx Buôn Hồ, tỉnh ĐăkLăk	0500.3870010	99	Thái Bình	Thôn Gia Lễ, xã Đông Mỹ, Tp Thái Bình, tỉnh Thái Bình	036.3568866
67	Pleiku	số 174, Trường Chinh, tổ 4, phường Trà Bá, thành phố PleiKu, tỉnh Gia Lai	059.3747170	100	Hưng Yên	Khu công nghiệp Phố Nối, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	0321.3744206
68	Chư Sê	Thôn 7, xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai	059.3768778	101	Nam Định	Lô 21, đường N1, cụm Công nghiệp An Xá, xã Mỹ Xá, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	0350.3672317
69	Kon Tum	564, đường Phan Đình Phùng, Tp. KonTum, tỉnh KonTum	060.3856372	102	Hải Phòng	Xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng	031.3645566
70	Ngọc Hồi	Tổ dân phố 3, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, Kon Tum	060.3832772	103	Thái Nguyên	Xã Lương Sơn, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0280.3645657
71	Nha Trang	Thôn Phú Khánh, xã Diên Thạnh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hoà	058.3750526 058.3750527	104	Vĩnh Phúc	Thôn Hưởng Lộc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3593234
72	Sơn Hoà	Thôn Tân Thành, xã Suối Bạc, huyện Sơn Hòa, Phú Yên	0573.640 427	105	Hà Giang	Thôn Tân An, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	0219.3892956
73	Tuy Hòa	229 Nguyễn Tất Thành, P.8, Tp Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	057.382058605	106	Bắc Kạn	Tổ 15, phường Phùng Chí Kiên, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	0281.3812556
74	Tuy An	Thôn Chí Đức, TT. Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	057.3767477057.	<b>Tổng kho</b>			
75	Tuy Phước	Thôn Mỹ Điền, TT Tuy Phước, H. Tuy Phước, tỉnh Bình Định	056.3833008	01	Tổng kho Lộ Tè	Số 454, tổ 16, Khu Vực Thới Hoà, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ	076.3930180
76	An Khê	Phường Ngô Mây, Tx. An Khê, tỉnh Gia Lai	059.3533511	02	Tổng kho Trung Lương	Ấp Long Mỹ - Xã Phước Thạnh - TP.Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang	0733.955899
77	Phù Cát	Thôn Hòa Đông, xã Cát Tân, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	056.3538178	03	Tổng kho Dĩ An	Số 27 ĐL Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0650.3793933
78	Phù Mỹ	Thôn Diêm Tiêu, TT Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	056.324444205				
79	Bồng Sơn	Thôn Thiết Đính, TT Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	056.3761841				
80	Sơn Tịnh	Thôn Trường Thọ Đông, TT. Sơn Tịnh, h. Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	055.367009705				
81	Tam Kỳ	Lô A49 Phan Bội Châu, F Hòa Thuận, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0510.3810842				
82	Đà Nẵng	281A Trường Chinh, P. An Khê, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng	0511.3721101				



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN ĐÃ KIỂM TOÁN  
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011**

**TRÊN HẾT**  
Y FIRST

CT46-GI,PPGI-SCT:1038 (20t)



**AN TOÀN TRÊN HẾT**  
SAFETY FIRST

CT11-PPGI-SCT-8165H QUIT

**AN TOÀN TRÊN HẾT**  
SAFETY FIRST

CT11-PPGI-SCT-8165H QUIT

**AN TOÀN TRÊN HẾT**  
SAFETY FIRST

CT11-PPGI-SCT-8165H QUIT

**AN TOÀN TRÊN HẾT**  
SAFETY FIRST

CT11-PPGI-SCT-8165H QUIT



# THÔNG TIN CÔNG TY

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Số 3700381324 ngày 4 tháng 7 năm 2011  
Đăng ký lần đầu: ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3700381324 ngày 4 tháng 7 năm 2011. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Lê Phụng Hào	Thành viên
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Phước Vũ	Tổng Giám đốc (thời kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 4 năm 2011)
Ông Phạm Văn Trung	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2011, thời nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2011)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
-----------------	----------------------------

## TRỤ SỞ CHÍNH

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An  
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

# THÔNG TIN CÔNG TY

## TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

## PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 37. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.



**Trần Ngọc Chu**  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 30 tháng 12 năm 2011



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để các báo cáo tài chính riêng không có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính riêng có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính riêng để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



### **Quách Thành Châu**

Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

### **Lê Văn Hòa**

Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2988  
Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			<b>Mẫu số B 01 - DN</b>	
			<b>Tại ngày 30 tháng 9</b>	
<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2011 VNĐ</b>	<b>2010 VNĐ</b>
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.250.279.967.093</b>	<b>2.291.431.199.109</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>126.343.395.167</b>	<b>34.385.502.402</b>
111	Tiền		126.343.395.167	34.385.502.402
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.097.677.196.770</b>	<b>887.185.802.758</b>
131	Phải thu khách hàng	4	735.136.576.406	661.298.057.012
132	Trả trước cho người bán	5	112.840.243.696	226.712.593.700
135	Các khoản phải thu khác	6	252.206.830.245	239.956.240
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.506.453.577)	(1.064.804.194)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>1.765.275.223.172</b>	<b>1.148.133.598.975</b>
141	Hàng tồn kho		1.765.275.223.172	1.149.809.053.367
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.675.454.392)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>260.984.151.984</b>	<b>221.726.294.974</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		25.348.615.065	5.861.946.803
152	Thuế GTGT được khấu trừ		191.717.067.998	132.743.741.516
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	-	5.089.952.473
158	Tài sản ngắn hạn khác	9	43.918.468.921	78.030.654.182
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.686.882.002.143</b>	<b>2.205.572.301.519</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.128.985.585.123</b>	<b>1.637.724.636.483</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	1.478.450.108.256	864.121.262.830
222	Nguyên giá		1.816.619.977.070	1.058.282.843.705
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(338.169.868.814)	(194.161.580.875)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	213.362.665.641	233.250.118.120
228	Nguyên giá		220.905.131.051	238.442.173.613
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.542.465.410)	(5.192.055.493)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10(c)	437.172.811.226	540.353.255.533
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>504.605.390.954</b>	<b>536.656.010.464</b>
251	Đầu tư vào công ty con		446.276.000.000	478.794.465.506
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	43.414.544.958
258	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.126.940.680)	(553.000.000)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>53.291.026.066</b>	<b>31.191.654.572</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	12	47.356.517.597	28.561.120.370
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	4.871.229.297	2.630.534.202
268	Tài sản dài hạn khác		1.063.279.172	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>5.937.161.969.236</b>	<b>4.497.003.500.628</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 30 tháng 9

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.115.914.947.348</b>	<b>2.901.254.960.323</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.485.549.491.223</b>	<b>2.489.655.796.537</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	14(a)	2.245.467.872.962	1.772.956.296.002
312	Phải trả người bán	15	1.124.806.259.547	534.909.040.497
313	Người mua trả tiền trước		39.043.692.919	20.844.467.979
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	16.758.743.314	19.644.877.230
315	Phải trả người lao động		19.490.662.024	15.478.943.361
316	Chi phí phải trả	17	29.106.140.385	89.732.655.785
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	2.929.661.962	34.360.518.307
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	7.946.458.110	1.728.997.376
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>630.365.456.125</b>	<b>411.599.163.786</b>
334	Vay và nợ dài hạn	14(b)	629.061.213.625	410.250.888.786
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		1.304.242.500	1.348.275.000
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.821.247.021.888</b>	<b>1.595.748.540.305</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.821.247.021.888</b>	<b>1.595.748.540.305</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	21	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	21	(28.588.182.845)	(572.094.000)
416	Quỹ dự phòng tài chính	21	8.525.313.060	8.525.313.060
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21	381.858.701.310	128.344.130.882
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.937.161.969.236</b>	<b>4.497.003.500.628</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 13.337 đô la Mỹ (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 228.666 đô la Mỹ).

Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc  
ngày 30 tháng 12 năm 2011

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

Mẫu số B 02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	11.257.002.387.037	7.840.320.534.315
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(14.808.935.014)	(12.203.286.223)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	22(a) 11.242.193.452.023	7.828.117.248.092
11	Giá vốn hàng bán	23 (10.336.014.938.167)	(7.077.670.608.388)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	906.178.513.856	750.446.639.704
21	Doanh thu hoạt động tài chính	22(b) 274.270.850.819	21.603.447.113
22	Chi phí tài chính	24 (450.899.292.903)	(353.150.476.524)
24	Chi phí bán hàng	25 (273.241.648.901)	(181.126.845.061)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 (158.043.749.817)	(114.996.048.992)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	298.264.673.054	122.776.716.240
40	Thu nhập khác (số thuần)	27 31.880.912.465	22.360.708.690
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	330.145.585.519	145.137.424.930
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	28 (17.946.100.611)	(11.879.295.361)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13, 28 2.240.695.095	1.009.934.045
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	314.440.180.003	134.268.063.614
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30 3.184	1.397



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc  
ngày 30 tháng 12 năm 2011

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>330.145.585.519</b>	<b>145.137.424.930</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	152.019.607.346	81.524.654.434
03	Các khoản dự phòng	340.135.671	1.116.545.008
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.779.496.270	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(189.292.779.656)	(1.533.548.121)
06	Chi phí lãi vay	282.057.005.265	159.160.398.441
07	Lãi do thanh lý tài sản cố định	(14.489.903.987)	-
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>562.559.146.428</b>	<b>385.405.474.692</b>
09	Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	(18.572.145.478)	(534.592.437.342)
10	Tăng hàng tồn kho	(615.466.169.805)	(636.001.035.926)
11	Tăng các khoản phải trả	505.785.008.867	393.880.638.676
12	Tăng các chi phí trả trước	(34.649.997.478)	-
13	Lãi vay đã trả	(274.755.496.246)	(156.683.091.441)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.188.701.745)	(22.873.084.632)
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.551.499.841)	(11.547.619.579)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>110.160.144.702</b>	<b>(582.411.155.552)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(823.899.538.759)	(1.310.794.454.603)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	191.389.756.749	268.338.978.568
23	Chi đầu tư đơn vị khác	-	(6.006.629.021)
27	Thu lãi tiền gửi	3.167.104.832	2.882.993.102
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(629.342.677.178)</b>	<b>(1.045.579.111.954)</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo) (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	-	562.915.578.363
32	Chi mua cổ phiếu quỹ	(28.016.088.845)	(94.000)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	5.971.137.263.295	4.390.607.145.366
34	Chi trả nợ gốc vay	(5.279.815.361.496)	(3.274.156.471.290)
35	Chi trả cổ tức	(49.875.641.450)	(56.964.661.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>613.430.171.504</b>	<b>1.622.401.497.439</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>94.247.639.028</b>	<b>(5.588.770.067)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>34.385.502.402</b>	<b>39.974.272.469</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi	(2.289.746.263)	-
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>126.343.395.167</b>	<b>34.385.502.402</b>

Các giao dịch phi tiền tệ chủ yếu trong hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong năm bao gồm thu hồi khoản đầu tư từ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ và Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen bằng cách cần trừ khoản phải thu với số tiền tương ứng là 67.630.757.133 đồng và 4.972.915.545 đồng.



**Nguyễn Thị Ngọc Lan**  
Kế toán trưởng



**Trần Ngọc Chu**  
Tổng Giám đốc  
ngày 30 tháng 12 năm 2011

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen – tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 4 tháng 7 năm 2011.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008 cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SDGHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, Công ty có 1.762 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 2.297 nhân viên).

## 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 để có thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và những thay đổi về tình hình tài chính của cả Tập đoàn.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 2.4 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

## 2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đồng Việt Nam để hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

## 2.7 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

## 2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 2.9 Các khoản đầu tư

### (a) Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

### (b) Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết

Đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá.

### (c) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

## 2.10 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian Công ty được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 2.12 Ghi nhận doanh thu

### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

### (b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

### (c) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên nhận đầu tư công bố chia cổ tức.

## 2.13 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

## 2.14 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

## 2.15 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 2.16 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ cũng được chú ý chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.17 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

## 2.18 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt  
Tiền gửi ngân hàng

30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
9.162.563.690	10.019.512.212
117.180.831.477	24.365.990.190
<b>126.343.395.167</b>	<b>34.385.502.402</b>

## 4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Bên thứ ba  
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))

30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
439.415.357.110	309.734.452.646
295.721.219.296	351.563.604.366
<b>735.136.576.406</b>	<b>661.298.057.012</b>

## 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Bên thứ ba  
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))

30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
22.657.016.696	122.356.664.200
90.183.227.000	104.355.929.500
<b>112.840.243.696</b>	<b>226.712.593.700</b>

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Bên thứ ba  
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))

30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
49.945.117.800	239.956.240
202.261.712.445	-
<b>252.206.830.245</b>	<b>239.956.240</b>

Khoản phải thu khác với bên thứ ba bao gồm khoản phải thu 22.180.652.682 đồng từ Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam từ việc nhập khẩu ủy thác dây chuyền tái sinh a-xít và khoản phải thu 26.558.270.928 đồng từ việc thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 7. HÀNG TỒN KHO

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	328.583.285.799	130.224.610.443
Nguyên vật liệu	352.116.157.982	328.977.587.629
Công cụ, dụng cụ	90.498.457.943	42.318.656.668
Thành phẩm	875.480.750.474	516.458.743.292
Hàng hóa	118.596.570.974	131.829.455.335
	<hr/>	<hr/>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.765.275.223.172	1.149.809.053.367
	-	(1.675.454.392)
	<hr/>	<hr/>
	1.765.275.223.172	1.148.133.598.975

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.363.091.358.973 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 1.117.449.650.648 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

## 8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	4.299.818.767
Thuế và các khoản khác phải thu khác từ Nhà nước	-	790.133.706
	<hr/>	<hr/>
	-	5.089.952.473

## 9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn	39.184.104.427	75.629.296.596
Tạm ứng cho nhân viên	4.542.839.658	2.401.357.586
Tài sản thiếu chờ xử lý	191.524.836	-
	<hr/>	<hr/>
	43.918.468.921	78.030.654.182

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2010

Mẫu số B 09 - DN

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### (a) Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	246.145.177.162	768.270.173.145	40.548.194.326	3.014.689.190	304.609.882	1.058.282.843.705
Mua trong năm	9.600.030.620	34.084.996.580	7.444.500.041	29.250.000	13.185.022.684	64.343.799.925
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	138.322.274.234	680.004.455.458	378.000.000	93.360.012	-	818.798.089.704
Thanh lý, nhượng bán	-	(124.546.661.797)	(75.850.455)	-	-	(124.622.512.252)
Giảm khác	-	(88.884.000)	-	(93.360.012)	-	(182.244.012)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	394.067.482.016	1.357.724.079.386	48.294.843.912	3.043.939.190	13.489.632.566	1.816.619.977.070
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	31.880.449.551	148.203.537.958	12.734.986.395	1.108.210.855	234.396.116	194.161.580.875
Khấu hao trong năm	20.660.470.111	122.044.533.709	5.611.066.490	523.810.721	829.316.398	149.669.197.429
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.604.342.942)	(56.566.548)	-	-	(5.660.909.490)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	52.540.919.662	264.643.728.725	18.289.486.337	1.632.021.576	1.063.712.514	338.169.868.814
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	214.264.727.611	620.066.635.187	27.813.207.931	1.906.478.335	70.213.766	864.121.262.830
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	341.526.562.354	1.093.080.350.661	30.005.357.575	1.411.917.614	12.425.920.052	1.478.450.108.256

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 6.315.233.156 đồng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 2.200.154.117 đồng).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 937.725.317.496 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 186.113.705.790 đồng).

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### (b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	237.051.699.879	1.390.473.734	<b>238.442.173.613</b>
Tăng trong năm	40.488.269.438	-	<b>40.488.269.438</b>
Thanh lý	(57.938.250.000)	-	<b>(57.938.250.000)</b>
Giảm khác	(87.062.000)	-	<b>(87.062.000)</b>
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	<u>219.514.657.317</u>	<u>1.390.473.734</u>	<b>220.905.131.051</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	4.687.146.561	504.908.932	<b>5.192.055.493</b>
Khấu hao trong năm	2.119.987.393	230.422.524	<b>2.350.409.917</b>
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	<u>6.807.133.954</u>	<u>735.331.456</u>	<b>7.542.465.410</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	232.364.553.318	885.564.802	<b>233.250.118.120</b>
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	<u>212.707.523.363</u>	<u>655.142.278</u>	<b>213.362.665.641</b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 150.236.457.785 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 153.410.730.556 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

### (c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	540.353.255.533	200.117.607.178
Tăng	719.067.469.396	895.290.399.939
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.449.823.999)	(23.612.590.738)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(818.798.089.704)	(531.442.160.846)
Số dư cuối năm	<u>437.172.811.226</u>	<u>540.353.255.533</u>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

### (c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	344.399.711.468	277.058.465.745
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	78.778.683.205	199.735.784.653
Công trình xây dựng Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen	-	28.345.838.053

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 7.300.447.031 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010: 5.367.725.100 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2010

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền 30/9/2011 VNĐ	Số tiền 30/9/2010 VNĐ
<b>Các công ty con</b>					
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000225 và số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 29 tháng 6 năm 2011.	100	280.000.000.000	280.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4904000228 và số 350078619 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu lần lượt cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và ngày 18 tháng 7 năm 2011.	100	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cày, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 4603000325, 4604000224 và số 3700785528 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bình Dương lần lượt cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và ngày 24 tháng 12 năm 2007 và ngày 29 tháng 6 năm 2011.	100	16.276.000.000	16.276.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ (*)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 3501504130 do Sở Kế hoạch và đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009.	100	-	27.518.465.506
Công ty TNHH Một thành Viên Nhựa Hoa Sen (**)	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3501548411 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.	100	-	5.000.000.000
				446.276.000.000	478.794.465.506

(\*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ được giải thể theo Quyết định số 244/QĐ/HĐQT/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010.

(\*\*) Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen được giải thể theo Quyết định số 245/QĐ/HĐQT/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2010

## 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền 30/9/2011 VND	Số tiền 30/9/2010 VND
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009.	45	44.456.331.634	43.414.544.958
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>					
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế.	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008.	3	15.000.000.000	15.000.000.000
				<b>59.456.331.634</b>	<b>58.414.544.958</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				(1.126.940.680)	(553.000.000)
				<b>58.329.390.954</b>	<b>57.861.544.958</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	28.561.120.370	6.648.137.493
Tăng trong năm	34.667.181.388	18.084.432.119
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.449.823.999	23.612.590.738
Từ TSCĐ chuyển sang	93.360.012	-
Phân bổ trong năm	(18.428.901.167)	(8.570.200.196)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(143.091.058)	(11.213.839.784)
Kết chuyển sang hàng tồn kho	(842.975.947)	-
Số dư cuối năm	47.356.517.597	28.561.120.370

## 13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	2.630.534.202	1.620.600.157
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.240.695.095	1.009.934.045
Số dư cuối năm	4.871.229.297	2.630.534.202

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan tới các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các chi nhánh của Công ty, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước.

## 14. CÁC KHOẢN VAY

### (a) Vay ngắn hạn

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (*)	2.058.178.693.714	1.646.489.975.890
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh 14(b))	187.289.179.248	126.466.320.112
	2.245.467.872.962	1.772.956.296.002

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 14. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

### (a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)

(\*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
01	VNĐ	13,5% - 18,5%	416.200.000.000	379.172.838.000
02	USD	5,5% - 7%	162.816.804.000	170.232.246.436
03	VNĐ	17,5% - 18,5%	21.960.000.000	-
04	USD	5,3% - 8%	39.224.142.000	32.689.327.799
05	VNĐ	13% - 20%	170.041.793.679	180.434.911.000
06	USD	6,0% - 6,5%	268.532.580.897	89.605.926.343
07	VNĐ	17,5% - 20,4%	42.600.000.000	-
08	USD	6% - 8%	150.378.120.000	81.645.101.940
09	VNĐ	16,5% - 20%	48.000.000.000	114.975.000.000
10	USD	5,6%-6,2%	117.411.357.826	15.165.383.940
11	USD	5% - 5,5%	5.961.492.000	100.665.786.622
12	VNĐ	15,5% - 16,6%	-	16.808.000.000
13	USD	6%	92.788.745.832	33.963.421.108
14	USD	6,8%	-	44.875.660.253
15	USD	5,8% - 6,8%	22.741.543.436	31.466.190.536
16	USD	6,5% - 8,2%	35.536.177.397	-
17	USD	13,2% - 19,8%	35.100.000.000	150.649.994.231
18	VNĐ	16,1%	-	23.167.387.682
19	VNĐ	20%	44.000.000.000	51.972.800.000
20	USD	6,2% - 7,5%	98.364.141.906	-
21	VNĐ	12,7% - 19%	85.400.000.000	129.000.000.000
22	USD	4,7% - 5,1%	129.789.639.741	-
23	VNĐ	18%	71.332.155.000	-
			2.058.178.693.714	1.646.489.975.890

(\*) Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Công ty.

### (b) Vay và nợ dài hạn

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Vay ngân hàng (*)	734.218.920.873	536.717.208.898
Nợ dài hạn khác (**)	82.131.472.000	-
	816.350.392.873	536.717.208.898
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(a))	(187.289.179.248)	(126.466.320.112)
	629.061.213.625	410.250.888.786

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 14. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

### (b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

(\*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
01	VNĐ	29/04/2014	10,5% - 17,6%	188.753.256.000	251.296.096.000
02	USD	02/05/2012	6,5%	14.439.600.000	33.131.000.000
03	VNĐ	29/03/2016	14,9% - 21%	297.075.482.971	27.494.990.147
04	USD	08/06/2018	7,00%	3.098.985.696	4.266.288.336
05	USD	08/06/2018	1,7%	112.403.818.206	118.534.946.415
06	VNĐ	25/03/2013	7,8% - 8,4%	49.720.000.000	63.940.000.000
07	VNĐ	26/10/2016	15% - 18,5%	40.865.888.000	35.023.888.000
08	VNĐ	06/11/2014	15% - 19%	13.861.890.000	3.030.000.000
09	VNĐ	27/12/2012	23%	14.000.000.000	-
				<u>734.218.920.873</u>	<u>536.717.208.898</u>

Tất cả các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản vay này.

(\*\*) Nợ dài hạn khác bao gồm:

- (a) Khoản nợ 2.728.000 Euro tương đương 77.131.472.000 đồng (2010: không có) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 5 năm 2016.
- (b) Khoản nợ 5.000.000.000 đồng với một công ty con, không có đảm bảo, không chịu lãi suất và thời hạn hoàn trả là tháng 11 năm 2012 (Thuyết minh 32(a)).

## 15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Bên thứ ba	1.082.513.405.792	399.659.420.587
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	42.292.853.755	135.249.619.910
	<u>1.124.806.259.547</u>	<u>534.909.040.497</u>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	10.340.205.509	16.600.684.204
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.457.580.099	-
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	863.074.723	1.713.691.787
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.128.280.960
Thuế khác	2.097.882.983	202.220.279
	<b>16.758.743.314</b>	<b>19.644.877.230</b>

## 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Điện	-	454.389.585
Xây dựng cơ bản dở dang	9.737.303.244	80.408.592.287
Chi phí vận chuyển	5.637.891.191	-
Phí kiểm toán	459.800.000	397.572.000
Lương tháng 13	3.472.230.000	4.823.503.000
Lãi vay	9.778.816.019	2.477.307.000
Chi phí phải trả khác	20.099.931	1.171.291.913
	<b>29.106.140.385</b>	<b>89.732.655.785</b>

## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Cổ tức phải trả	1.249.599.550	968.592.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	886.734.400	678.659.950
Doanh thu chưa thực hiện (*)	-	4.560.000.000
Nhận tiền ủy thác mua tài sản (**)	-	23.581.885.056
Phải trả khác	683.604.254	821.877.010
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	109.723.758	3.749.504.291
	<b>2.929.661.962</b>	<b>34.360.518.307</b>

(\*) Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền nhận trước từ việc bán căn hộ Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen. Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2011, Công ty đã chuyển nhượng Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen cho phía đối tác liên doanh là Công ty cổ phần Phố Đông.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

(\*\*) Đây là khoản tiền nhận từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH Một Thành Viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam để thanh toán tiền cho việc nhập khẩu dây chuyền sản xuất cho dự án Nhà Máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ.

## 19. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	1.728.997.376	7.151.926.861
Trích lập	10.768.960.575	6.121.598.094
Sử dụng	(4.551.499.841)	(11.544.527.579)
Số dư cuối năm	7.946.458.110	1.728.997.376

## 20. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Số lượng cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành như sau:

	30/9/2011		30/9/2010	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Cổ phiếu được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu ngân quỹ	(2.020.012)	-	(20.012)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	98.770.778	-	100.770.778	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 21. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2009							
(theo báo cáo trước đây)	570.385.000.000	88.222.712.000	225.206.880.266	21.447.090.156	(572.000.000)	-	904.689.682.422
Trình bày lại (Thuyết minh 37)	-	-	21.447.090.156	(21.447.090.156)	-	-	-
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2009							
(đã trình bày lại)	570.385.000.000	88.222.712.000	246.653.970.422	-	(572.000.000)	-	904.689.682.422
Cổ phiếu đã phát hành	129.615.000.000	438.652.500.000	-	-	-	-	568.267.500.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	69.980.000.000	(69.980.000.000)	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	237.927.900.000	-	(237.927.900.000)	-	-	-	-
Phí hoa hồng và môi giới phát hành cổ phiếu	-	(5.351.921.637)	-	-	-	-	(5.351.921.637)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	134.268.063.614	-	-	-	134.268.063.614
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(94.000)	-	(94.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	(8.525.313.060)	-	-	8.525.313.060	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(6.121.598.094)	-	-	-	(6.121.598.094)
Chi khác	-	-	(3.092.000)	-	-	-	(3.092.000)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010	1.007.907.900.000	451.543.290.363	128.344.130.882	-	(572.094.000)	8.525.313.060	1.595.748.540.305
Lợi nhuận trong năm	-	-	314.440.180.003	-	-	-	314.440.180.003
Chi trả cổ tức	-	-	(50.156.649.000)	-	-	-	(50.156.649.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.016.088.845)	-	(28.016.088.845)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(10.768.960.575)	-	-	-	(10.768.960.575)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	1.007.907.900.000	451.543.290.363	381.858.701.310	-	(28.588.182.845)	8.525.313.060	1.821.247.021.888

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 22. DOANH THU

### (a) Doanh thu thuần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
<b>Doanh thu</b>		
Thành phẩm	7.563.102.259.779	3.831.706.127.593
Hàng hóa	3.693.900.127.258	4.008.614.406.722
	<u>11.257.002.387.037</u>	<u>7.840.320.534.315</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(771.748.862)	(1.182.354.748)
Hàng bán bị trả lại	(13.707.656.265)	(9.131.632.824)
Giảm giá hàng bán	(329.529.887)	(874.650.617)
Giảm khác	-	(1.014.648.034)
	<u>(14.808.935.014)</u>	<u>(12.203.286.223)</u>

### (b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	3.167.104.832	1.532.993.102
Kết chuyển lãi từ việc giải thể Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	40.112.291.627	-
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	153.458.750.365	-
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	29.807.279.768	-
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2.946.706.691	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	-	1.350.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	44.778.717.536	18.720.454.011
	<u>274.270.850.819</u>	<u>21.603.447.113</u>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Thành phẩm  
Hàng hóa  
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Năm tài chính kết thúc ngày	
30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
6.872.768.008.994	3.215.184.509.174
3.463.246.929.173	3.862.277.854.841
-	208.244.373
<u>10.336.014.938.167</u>	<u>7.077.670.608.388</u>

## 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí lãi vay  
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn  
Lỗ do chênh lệch tỷ giá  
Lỗ từ việc giải thể Công ty TNHH  
Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen

Năm tài chính kết thúc ngày	
30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
282.057.005.265	159.160.398.441
573.940.680	553.000.000
168.241.262.503	193.437.078.083
27.084.455	-
<u>450.899.292.903</u>	<u>353.150.476.524</u>

## 25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí nhân viên  
Chi phí khấu hao  
Chi phí vật liệu bao bì  
Chi phí dịch vụ mua ngoài  
Chi phí khác

Năm tài chính kết thúc ngày	
30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
62.874.827.126	45.203.547.105
18.138.581.723	15.603.152.383
2.224.576.875	2.280.063.855
181.916.330.204	112.269.404.838
8.087.332.973	5.770.676.880
<u>273.241.648.901</u>	<u>181.126.845.061</u>

## 26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí nhân viên quản lý  
Chi phí đồ dùng văn phòng  
Chi phí khấu hao  
Chi phí dịch vụ mua ngoài  
Chi phí khác

Năm tài chính kết thúc ngày	
30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
72.514.684.163	57.289.790.800
4.427.382.792	2.582.562.680
14.687.033.095	11.903.390.392
56.221.558.509	36.654.231.019
10.193.091.258	6.566.074.101
<u>158.043.749.817</u>	<u>114.996.048.992</u>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>		
Bán phế liệu	13.515.173.426	17.084.031.062
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	191.389.756.749	268.338.978.568
Thu nhập khác	14.388.624.926	18.946.552.664
	219.293.555.101	304.369.562.294
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(176.899.852.762)	(269.679.645.146)
Chi phí khác	(10.512.789.874)	(12.329.208.458)
	(187.412.642.636)	(282.008.853.604)
Thu nhập thuần	31.880.912.465	22.360.708.690

## 28. THUẾ

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận tính thuế và ở mức 25%. Từ năm 2014, thuế suất là 25%. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 15% được thể hiện như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	330.145.585.519	145.137.424.930
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	49.521.837.828	21.770.613.740
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(35.741.850.123)	(860.852.830)
Chi phí không được khấu trừ	11.461.659.678	2.711.590.302
Ảnh hưởng của việc giảm thuế	(11.305.556.591)	(11.879.295.361)
Ảnh hưởng do thuế suất tăng	(4.871.229.296)	(872.694.535)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	515.437.500	-
Dự phòng thiếu của năm trước	6.125.106.520	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	15.705.405.516	10.869.361.316
Trong đó:		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(17.946.100.611)	(11.879.295.361)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.240.695.095	1.009.934.045

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ báo cáo được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

## 29. CỔ TỨC

Cổ tức đợt 1 cho năm tài chính 2009 - 2010 được chia với tỷ lệ 5%/mệnh giá cổ phiếu (mỗi cổ phiếu được nhận 500 đồng) với phương thức thanh toán bằng tiền mặt.

## 30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	314.440.180.003	134.268.063.614
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	98.770.778	96.126.246
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	3.184	1.397

## 31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	7.286.232.682.525	3.596.822.623.725
Chi phí nhân công	179.395.026.619	122.210.770.228
Chi phí khấu hao và phân bổ	142.477.716.496	81.524.654.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.740.194.206	192.014.751.265
Các chi phí khác	76.200.576.894	35.003.387.650
	<u>8.098.046.196.740</u>	<u>4.027.576.187.302</u>

## 32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các công ty con, các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

### (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

#### (i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	2.611.741.700.120	2.189.467.107.524
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	999.100.998.186	348.485.485.690
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2.563.105.478	2.572.935.788
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	43.209.452	117.845.372

#### (ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	2.837.619.414.872	2.016.972.765.807
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	872.234.049.897	541.706.430.765
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	15.847.220.659	13.657.732.118
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	-	40.541.496.981

#### (iii) Bán tài sản cố định

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	129.354.538.219	16.773.152.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	425.538.304

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

### (iv) Mua tài sản cố định

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	2.452.754.895	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	297.832.847	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	-	245.773.390

### (v) Các giao dịch khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen</b>		
Bán khác	99.913.643	867.785.872
Mua khác	-	9.097.536.679
Trả lại hàng mua	-	141.526.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen</b>		
Trả lại hàng bán	1.733.640.900	2.398.494.519
Bán khác	6.276.298.544	5.255.435.242
Trả lại hàng mua	13.337.154.162	1.609.169.618
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen</b>		
Bán khác	-	35.924.600
Trả lại hàng mua	-	266.478.771
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen</b>		
Tiền vay nhận được (Thuyết minh 14 (b))	5.000.000.000	-

### (vi) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Cố vấn và Ban Kiểm soát	954.000.000	2.349.028.027
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	4.293.126.682	3.134.997.000

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

### (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
<b>Phải thu khách hàng (Thuyết minh 4)</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	8.800.000.000	192.446.316.023
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	286.921.219.296	155.681.149.969
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	-	3.436.138.374
	<hr/>	<hr/>
	295.721.219.296	351.563.604.366
	<hr/>	<hr/>
<b>Trả trước cho người bán (Thuyết minh 5)</b>		
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc)		
Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	104.355.929.500
	<hr/>	<hr/>
<b>Các khoản phải thu khác (Thuyết minh 6)</b>		
Phải thu lợi nhuận được chia từ các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	153.458.750.365	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	29.807.279.768	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật tải và Cơ khí Hoa Sen	2.946.706.691	-
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	16.048.975.621	-
	<hr/>	<hr/>
	202.261.712.445	-
	<hr/>	<hr/>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

### (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh 15)</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	39.785.925.034	33.501.245.750
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	2.506.928.721	5.493.422.472
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	-	71.343.507.328
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen	-	24.830.330.005
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	81.114.355
	42.292.853.755	135.249.619.910
<b>Phải trả khác (Thuyết minh 18)</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	109.723.758	102.399.758
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	-	187.334.654
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	-	3.459.769.879
	109.723.758	3.749.504.291
<b>Vay dài hạn (Thuyết minh 14(b))</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	5.000.000.000	-

## 33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh tôn, thép và vật liệu xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN

## 34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Dưới 1 năm	18.064.277.823	8.638.765.316
Từ 1 đến 5 năm	53.726.255.649	23.503.960.302
Trên 5 năm	152.128.654.822	123.135.490.313
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>223.919.188.294</b>	<b>155.278.215.931</b>

## 35. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	28.575.744.556	421.784.701.314

## 36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm báo cáo hiện hành.

## 37. TRÌNH BÀY LẠI

Khoản chênh lệch đánh giá lại quyền sử dụng đất dùng để góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen phát sinh từ năm 2006 và được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” thay vì “Thu nhập”. Do việc ghi nhận nghiệp vụ này vào năm 2006 là không phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, Công ty đã trình bày lại bằng cách kết chuyển khoản chênh lệch này từ tài khoản “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” sang “Lợi nhuận chưa phân phối”.

	Theo báo cáo trước VNĐ	Trình bày lại VNĐ
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 30 tháng 9 năm 2010	21.447.090.156	-
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 9 năm 2010	106.897.040.726	128.344.130.882
<b>Chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 30 tháng 9 năm 2009</b>	<b>21.447.090.156</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 9 năm 2009</b>	<b>225.206.880.266</b>	<b>246.653.970.422</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Báo cáo tài chính riêng đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 30 tháng 12 năm 2011.



---

**Nguyễn Thị Ngọc Lan**  
Kế toán trưởng



---

**Trần Ngọc Chu**  
Tổng Giám đốc





B6

B10





# ABUS 32t

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN  
VÀ CÁC CÔNG TY CON ĐÃ KIỂM TOÁN  
NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH 2010 - 2011**

**ABUS 32t**



# THÔNG TIN CÔNG TY

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Số 3700381324 ngày 4 tháng 7 năm 2011  
Đăng ký lần đầu ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 4 tháng 7 năm 2011. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Lê Phụng Hào	Thành viên
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quý	Thành viên

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Lê Phước Vũ	Tổng Giám đốc (thời kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 1 tháng 4 năm 2011)
Ông Phạm Văn Trung	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2011, thời nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)
Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2011)
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2011)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
-----------------	----------------------------

## TRỤ SỞ CHÍNH

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An  
Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

# THÔNG TIN CÔNG TY

## TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

## PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 34. Các báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



**Trần Ngọc Chu**  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 30 tháng 12 năm 2011



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) được Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 30 tháng 12 năm 2011. Các báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để các báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Tổng Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam.



### **Quách Thành Châu**

Số chứng chỉ KTV: N.0875/KTV  
Phó Tổng Giám đốc  
Chữ ký được ủy quyền

### **Lê Văn Hòa**

Số chứng chỉ KTV: 0248/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)  
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số HCM2993  
Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

			Mẫu số B 01 - DN/HN	
			Tại ngày 30 tháng 9	
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.070.651.036.971</b>	<b>2.302.873.881.552</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>128.408.998.636</b>	<b>50.162.949.043</b>
111	Tiền		128.408.998.636	50.162.949.043
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>632.788.578.046</b>	<b>561.336.612.666</b>
131	Phải thu khách hàng		464.096.658.842	324.687.042.256
132	Trả trước cho người bán	4	119.593.897.331	237.304.512.408
135	Các khoản phải thu khác		52.961.014.461	1.418.702.328
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.862.992.588)	(2.073.644.326)
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	5	<b>2.015.660.254.333</b>	<b>1.446.169.048.203</b>
141	Hàng tồn kho		2.015.660.254.333	1.447.032.284.609
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(863.236.406)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>293.793.205.956</b>	<b>245.205.271.640</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		34.577.517.459	16.237.807.971
152	Thuế GTGT được khấu trừ		213.700.550.637	144.205.215.793
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	8.374.590	5.160.690.546
158	Tài sản ngắn hạn khác	7	45.506.763.270	79.601.557.330
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.845.099.689.574</b>	<b>2.246.229.628.497</b>
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>2.720.787.750.583</b>	<b>2.149.009.604.340</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	1.961.530.503.848	1.241.359.830.839
222	Nguyên giá		2.511.865.176.918	1.595.239.953.323
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(550.334.673.070)	(353.880.122.484)
224	Tài sản thuê tài chính	8(b)	44.582.403.790	42.055.952.359
225	Nguyên giá		49.508.539.047	44.378.948.327
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.926.135.257)	(2.322.995.968)
227	Tài sản cố định vô hình	8(c)	243.757.899.911	264.730.776.465
228	Nguyên giá		255.572.485.421	273.228.167.033
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.814.585.510)	(8.497.390.568)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8(d)	470.916.943.034	600.863.044.677
<b>250</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	9	<b>58.329.390.954</b>	<b>57.861.544.958</b>
252	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		44.456.331.634	43.414.544.958
258	Đầu tư dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
259	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(1.126.940.680)	(553.000.000)
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>65.982.548.037</b>	<b>39.358.479.199</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	55.981.627.029	34.231.203.940
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	11	7.615.641.836	4.727.275.259
268	Tài sản dài hạn khác		2.385.279.172	400.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>5.915.750.726.545</b>	<b>4.549.103.510.049</b>



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

Mẫu số B 01 - DN/HN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ (Trình bày lại - Thuyết minh 34)
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.133.025.325.171</b>	<b>2.837.604.785.156</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.486.299.271.149</b>	<b>2.396.798.340.290</b>
311	Vay và nợ ngắn hạn	12(a)	2.254.114.037.158	1.775.370.331.718
312	Phải trả người bán	13	1.098.014.470.240	441.737.582.232
313	Người mua trả tiền trước		44.418.201.611	23.177.497.131
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	20.104.318.464	33.566.752.470
315	Phải trả người lao động		22.094.211.560	18.269.725.463
316	Chi phí phải trả	15	31.567.537.547	91.523.947.964
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	8.040.036.459	11.423.505.936
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	7.946.458.110	1.728.997.376
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>646.726.054.022</b>	<b>440.806.444.866</b>
334	Vay và nợ dài hạn	12(b)	644.525.996.522	438.660.845.266
336	Dự phòng trợ cấp thôi việc		2.200.057.500	2.145.599.600
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.782.725.401.374</b>	<b>1.711.498.724.893</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.782.725.401.374</b>	<b>1.711.498.724.893</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	451.543.290.363	451.543.290.363
414	Cổ phiếu quỹ	19	(28.588.182.845)	(572.094.000)
416	Quỹ dự phòng tài chính	19	8.525.313.060	8.525.313.060
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19	343.337.080.796	244.094.315.470
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.915.750.726.545</b>	<b>4.549.103.510.049</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ 16.550 đô la Mỹ (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 229.597 đô la Mỹ).

Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu  
Tổng Giám đốc  
ngày 30 tháng 12 năm 2011

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

Mẫu số B 02 - DN/HN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9	
		2011 VNĐ	2010 VNĐ
01	Doanh thu bán hàng	8.179.487.707.829	4.912.610.384.192
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(13.501.096.775)	(13.429.851.006)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	8.165.986.611.054	4.899.180.533.186
11	Giá vốn hàng bán	(7.110.055.086.800)	(3.968.224.548.046)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	1.055.931.524.254	930.955.985.140
21	Doanh thu hoạt động tài chính	48.951.041.047	24.103.464.903
22	Chi phí tài chính	(457.975.718.659)	(372.873.198.649)
24	Chi phí bán hàng	(308.909.934.516)	(209.477.229.128)
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(189.005.431.707)	(148.691.601.966)
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	148.991.480.419	224.017.420.300
40	Thu nhập khác - số thuần	19.484.318.511	27.884.256.150
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	168.475.798.930	251.901.676.450
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(11.195.790.606)	(38.773.640.483)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.888.366.577	2.251.175.546
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	160.168.374.901	215.379.211.513
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.622	2.241



**Nguyễn Thị Ngọc Lan**  
Kế toán trưởng



**Trần Ngọc Chu**  
Tổng Giám đốc  
ngày 30 tháng 12 năm 2011

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

Mẫu số B 03 - DN/HN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>168.475.798.930</b>	<b>251.901.676.450</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	208.003.503.569	152.071.726.357
03	Các khoản dự phòng	1.500.052.536	3.338.187.673
04	Lỗi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.215.074.573	336.345.088
05	Thu nhập lãi tiền gửi	(3.664.797.659)	(1.874.898.464)
06	Chi phí lãi vay	288.078.153.510	166.117.089.761
07	Lãi do thanh lý tài sản cố định	(395.174.775)	-
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>664.212.610.684</b>	<b>571.890.126.865</b>
09	Tăng các khoản phải thu	(103.477.956.957)	(391.790.399.980)
10	Tăng hàng tồn kho	(568.627.969.724)	(698.157.711.665)
11	Tăng các khoản phải trả	585.354.085.832	283.148.424.670
12	Tăng chi phí trả trước	(37.754.505.715)	-
13	Lãi vay đã trả	(280.776.644.491)	(163.639.782.761)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.883.181.198)	(47.142.162.249)
16	Chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.551.499.841)	(11.547.619.579)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>249.494.938.590</b>	<b>(457.239.124.699)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(841.373.598.312)	(1.141.051.750.493)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	62.548.208.722	3.744.605.904
27	Thu lãi tiền gửi	3.664.797.659	3.224.898.464
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(775.160.591.931)</b>	<b>(1.134.082.246.125)</b>

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

“Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 34 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.”

Mẫu số B 03 - DN/HN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo) (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9

Mã số	Thuyết minh	2011 VNĐ	2010 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu	-	562.915.578.363
32	Chi mua cổ phiếu quỹ	(28.016.088.845)	(94.000)
33	Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	5.971.137.263.295	4.531.607.145.366
34	Chi trả nợ gốc vay	(5.279.815.361.496)	(3.434.156.471.290)
35	Tiền trả nợ thuê tài chính	(7.063.426.703)	(9.516.098.987)
36	Chi trả cổ tức	(50.029.215.450)	(57.019.354.000)
40	<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>606.213.170.801</b>	<b>1.593.830.705.452</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>80.547.517.460</b>	<b>2.509.334.628</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	50.162.949.043	47.653.614.415
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	(2.301.467.867)	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>128.408.998.636</b>	<b>50.162.949.043</b>



**Nguyễn Thị Ngọc Lan**  
Kế toán trưởng



**Trần Ngọc Chu**  
Tổng Giám đốc  
ngày 30 tháng 12 năm 2011

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen - tên tiếng nước ngoài là Hoa Sen Group - (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và điều chỉnh gần nhất ngày 4 tháng 7 năm 2011.

Ngày 5 tháng 12 năm 2008 cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 117/QĐ-SDGHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại
- Sản xuất tấm trần PVC
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, Công ty có những công ty con sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	
			30.9.2011	30.9.2010
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ (*)	Đường 1B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tôn mạ	-	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải, sản xuất máy cán, máy cắt tôn và các máy móc, thiết bị công nghiệp	100	100
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen (**)	Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa	-	100

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Các công ty con đều được thành lập ở Việt Nam.

(\*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen Phú Mỹ được giải thể theo Quyết định số 244/QĐ/HĐQT/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010.

(\*\*) Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Hoa Sen được giải thể theo Quyết định số 245/QĐ/HĐQT/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011, Tập đoàn có 2.960 nhân viên (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 2.904 nhân viên).

## 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập dựa theo qui ước giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### 2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9.

### 2.3 Hợp nhất

Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 – *Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con*.

#### Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 2.3 Hợp nhất (tiếp theo)

### *Liên doanh và công ty liên kết*

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào liên doanh và công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và phần chia của biến động trong các quỹ dự trữ sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào quỹ dự trữ hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

## 2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## 2.5 Sử dụng các ước tính kế toán

Việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đòi hỏi Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập các báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

## 2.6 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đồng Việt Nam để hạch toán kế toán và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

## 2.8 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

## 2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

## 2.10 Các khoản đầu tư

### (a) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### (b) Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ nắm giữ dưới 20% tại các đơn vị đã niêm yết hoặc chưa niêm yết mà không dự tính bán trong vòng 12 tháng kể từ ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được lập khi có sự giảm sút giá trị của các khoản đầu tư này.

## 2.11 Tài sản cố định

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính hoặc theo thời hạn của dự án nếu ngắn hơn. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa	5 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	6 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20 năm



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 2.11 Tài sản cố định (tiếp theo)

### *Khấu hao (tiếp theo)*

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian Công ty được phép sử dụng đất theo quy định. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

### *Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 2.12 Thuê tài sản cố định

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỉ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn. Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

## 2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

## 2.14 Ghi nhận doanh thu

### (a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn một cách trọng yếu về khả năng thu về các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng hàng bị trả lại.

### (b) Doanh thu dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

### (c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

### (d) Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong kỳ kế toán khi bên nhận đầu tư công bố chia cổ tức.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

### 2.15 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

### 2.16 Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn chủ sở hữu bao gồm các cổ phần được phát hành. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành thêm cổ phần hoặc quyền chọn được trừ vào số tiền thu được do bán cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp sau khi tính thuế, được ghi nhận và trình bày là một khoản trừ vào vốn chủ sở hữu. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

### 2.17 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

### 2.18 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả Tập đoàn mẹ, Tập đoàn con và Tập đoàn liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Tập đoàn liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ cũng được chú ý chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

## 2.20 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Tập đoàn. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Tập đoàn phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho Tập đoàn. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Tiền mặt	9.386.304.571	10.509.814.611
Tiền gửi ngân hàng	118.988.694.065	39.653.134.432
Tiền đang chuyển	34.000.000	-
	<u>128.408.998.636</u>	<u>50.162.949.043</u>

## 4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Bên thứ ba	29.410.670.331	132.948.582.908
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	90.183.227.000	104.355.929.500
	<u>119.593.897.331</u>	<u>237.304.512.408</u>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 5. HÀNG TỒN KHO

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	328.588.358.524	130.488.445.168
Nguyên vật liệu	424.301.598.775	455.333.364.646
Công cụ, dụng cụ	181.491.551.424	149.703.264.790
Chi phí SXKD dở dang	10.095.839	898.557.068
Thành phẩm tồn kho	960.731.017.901	599.489.042.076
Hàng hóa	120.537.631.870	111.119.610.861
	2.015.660.254.333	1.447.032.284.609
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(863.236.406)
	2.015.660.254.333	1.446.169.048.203

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.363.091.358.973 đồng được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 1.117.449.650.648 đồng).

## 6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	4.344.829.871
Thuế và các khoản khác phải thu khác từ Nhà nước	8.374.590	815.860.675
	8.374.590	5.160.690.546

## 7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Ký quỹ ngắn hạn	39.207.131.927	76.802.474.615
Tạm ứng cho nhân viên	6.108.106.507	2.799.082.715
Tài sản thiếu chờ xử lý	191.524.836	-
	45.506.763.270	79.601.557.330

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### (a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tài sản cố định hữu hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	351.994.958.167	1.168.671.628.495	68.238.234.048	4.458.316.205	1.876.816.408	1.595.239.953.323
Mua trong năm	9.773.733.859	46.252.534.886	4.991.745.146	41.170.000	13.425.220.104	74.484.403.995
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản đỏ đang	160.257.172.200	691.379.136.430	378.000.000	93.360.012	32.256.000	852.139.924.642
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.723.453.157)	(75.850.455)	-	(17.557.418)	(9.816.861.030)
Giảm khác	-	(88.884.000)	-	(93.360.012)	-	(182.244.012)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	522.025.864.226	1.896.490.962.654	73.532.128.739	4.499.486.205	15.316.735.094	2.511.865.176.918
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	51.474.946.388	281.816.730.476	18.081.369.916	1.889.157.739	617.917.965	353.880.122.484
Khấu hao trong năm	27.469.568.546	164.394.120.001	8.350.112.525	732.790.612	1.110.035.985	202.056.627.669
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.534.829.759)	(56.566.548)	-	(10.680.776)	(5.602.077.083)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	78.944.514.934	440.676.020.718	26.374.915.893	2.621.948.351	1.717.273.174	550.334.673.070
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	300.520.011.779	886.854.898.019	50.156.864.132	2.569.158.466	1.258.898.443	1.241.359.830.839
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	443.081.349.292	1.455.814.941.936	47.157.212.846	1.877.537.854	13.599.461.920	1.961.530.503.848

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 6.617.650.581 đồng đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 2.260.247.317 đồng) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 937.725.317.496 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 186.113.705.790 đồng) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

### (b) Tài sản cố định thuê tài chính

#### Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010  
Tăng trong năm

Máy móc thiết bị  
VNĐ

44.378.948.327  
5.129.590.720

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

49.508.539.047

#### Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010  
Tăng trong năm

2.322.995.968  
2.603.139.289

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

4.926.135.257

#### Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010

42.055.952.359

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

44.582.403.790

### (c) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	271.285.699.879	1.942.467.154	<b>273.228.167.033</b>
Tăng trong năm	40.488.269.438	17.860.950	<b>40.506.130.388</b>
Thanh lý	(57.938.250.000)	-	<b>(57.938.250.000)</b>
Giảm khác	(87.062.000)	(136.500.000)	<b>(223.562.000)</b>
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	253.748.657.317	1.823.828.104	<b>255.572.485.421</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	7.840.075.849	657.314.719	<b>8.497.390.568</b>
Tăng trong năm	3.020.882.125	322.854.486	<b>3.343.736.611</b>
Giảm khác	-	(26.541.669)	<b>(26.541.669)</b>
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	10.860.957.974	953.627.536	<b>11.814.585.510</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2010	263.445.624.030	1.285.152.435	<b>264.730.776.465</b>
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	242.887.699.343	870.200.568	<b>243.757.899.911</b>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 150.236.457.785 đồng (ngày 30 tháng 9 năm 2010: 153.410.730.556 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

## 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN/HN

### (d) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Năm tài chính kết thúc ngày

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	600.863.044.677	204.166.561.719
Tăng	726.383.063.929	960.382.180.020
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.138.662.022)	(23.732.250.374)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(852.139.924.642)	(538.097.496.397)
Thanh lý	(50.578.908)	(1.855.950.291)
Số dư cuối năm	470.916.943.034	600.863.044.677

Những dự án xây dựng cơ bản dở dang lớn:

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	344.399.711.468	277.058.465.745
Công trình xây dựng Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	78.778.683.205	199.735.784.653
Công trình xây dựng dự án Chung cư cao tầng Phố Đông – Hoa Sen	-	28.345.838.053

Chi phí lãi vay được vốn hóa trong tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 7.300.447.031 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010: 5.367.725.100 đồng).

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2011

## 9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	% quyền sở hữu và quyền biểu quyết	Số tiền 30/9/2011 VNĐ	Số tiền 30/9/2010 VNĐ
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3500751828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 20 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi ngày 13 tháng 10 năm 2009	45	44.456.331.634	43.414.544.958
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>					
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Đầu tư vào các dự án và các Công ty Việt Nam niêm yết và chưa niêm yết trong lĩnh vực y tế	08/TB-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 1 năm 2008	3	15.000.000.000	15.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				59.456.331.634	58.414.544.958
				(1.126.940.680)	(553.000.000)
				58.329.390.954	57.861.544.958



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	34.231.203.940	10.779.291.756
Tăng trong năm	40.881.582.593	26.684.298.194
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.138.662.022	23.732.250.374
Từ TSCĐ chuyển sang	93.360.012	-
Phân bổ trong năm	(22.377.114.533)	(14.655.031.638)
Thanh lý	-	(198.365.203)
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(143.091.058)	(12.111.239.543)
Kết chuyển sang hàng tồn kho	(842.975.947)	-
Số dư cuối năm	55.981.627.029	34.231.203.940

## 11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động góp của thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	4.727.275.259	2.476.099.713
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2.888.366.577	2.251.175.546
Số dư cuối năm	7.615.641.836	4.727.275.259

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận chủ yếu từ chênh lệch tạm thời liên quan đến các khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ doanh thu bán hàng nội bộ với các chi nhánh của Công ty, lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch giữa các công ty trong Tập đoàn, chi phí lãi vay và các khoản chi phí trích trước.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 12. CÁC KHOẢN VAY

### (a) Vay ngắn hạn

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (*)	2.058.178.693.714	1.646.489.975.890
Vay dài hạn đến hạn phải trả	187.289.179.248	126.466.320.112
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.646.164.196	2.414.035.716
	<u>2.254.114.037.158</u>	<u>1.775.370.331.718</u>

(\*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
01	VNĐ	13,5% - 18,5%	416.200.000.000	379.172.838.000
02	USD	5,5% - 7%	162.816.804.000	170.232.246.436
03	VNĐ	17,5% - 18,5%	21.960.000.000	-
04	USD	5,3% - 8%	39.224.142.000	32.689.327.799
05	VNĐ	13% - 20%	170.041.793.679	180.434.911.000
06	USD	6,0% - 6,5%	268.532.580.897	89.605.926.343
07	VNĐ	17,5% - 20,4%	42.600.000.000	-
08	USD	6% - 8%	150.378.120.000	81.645.101.940
09	VNĐ	16,5% - 20%	48.000.000.000	114.975.000.000
10	USD	5,6% - 6,2%	117.411.357.826	15.165.383.940
11	USD	5% - 5,5%	5.961.492.000	100.665.786.622
12	VNĐ	15,5% - 16,6%	-	16.808.000.000
13	USD	6%	92.788.745.832	33.963.421.108
14	USD	6,8%	-	44.875.660.253
15	USD	5,8% - 6,8%	22.741.543.436	31.466.190.536
16	USD	6,5% - 8,2%	35.536.177.397	-
17	USD	13,2% - 19,8%	35.100.000.000	150.649.994.231
18	VNĐ	16,1%	-	23.167.387.682
19	VNĐ	20%	44.000.000.000	51.972.800.000
20	USD	6,2% - 7,5%	98.364.141.906	-
21	VNĐ	12,7% - 19%	85.400.000.000	129.000.000.000
22	USD	4,7% - 5,1%	129.789.639.741	-
23	VNĐ	18%	71.332.155.000	-
			<u>2.058.178.693.714</u>	<u>1.646.489.975.890</u>

Tất cả các khoản vay ngắn hạn trên được bảo đảm bằng tài sản cố định và hàng tồn kho của Tập đoàn.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 12. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

### (b) Vay và nợ dài hạn

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Vay ngân hàng (*)	734.218.920.873	536.717.208.898
Nợ thuê tài chính (**)	29.110.947.093	30.823.992.196
Nợ dài hạn khác (***)	77.131.472.000	-
	840.461.339.966	567.541.201.094
Trừ: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(195.935.343.444)	(128.880.355.828)
	644.525.996.522	438.660.845.266

(\*) Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Khoản vay số	Tiền tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất năm	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
01	VNĐ	29/04/2014	10,5% - 17,6%	188.753.256.000	251.296.096.000
02	USD	02/05/2012	6,5%	14.439.600.000	33.131.000.000
03	VNĐ	29/03/2016	14,9% - 21%	297.075.482.971	27.494.990.147
04	USD	08/06/2018	7,00%	3.098.985.696	4.266.288.336
05	USD	08/06/2018	1,7%	112.403.818.206	118.534.946.415
06	VND	25/03/2013	7,8% - 8,4%	49.720.000.000	63.940.000.000
07	VND	26/10/2016	15% - 18,5%	40.865.888.000	35.023.888.000
08	VND	06/11/2014	15% - 19%	13.861.890.000	3.030.000.000
09	VND	27/12/2012	23%	14.000.000.000	-
				734.218.920.873	536.717.208.898

Tất cả các khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ những khoản vay này.

### (\*\*) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê tài chính không được hủy ngang như sau:

### Các khoản nợ thuê tài chính

	30/9/2011		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	12.912.102.101	4.265.937.905	8.646.164.196
Từ 1-5 năm	25.157.688.888	4.692.905.991	20.464.782.897
	38.069.790.989	8.958.843.896	29.110.947.093

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 12. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

### (b) Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

	30/9/2010		
	Tổng nợ thuê tài chính VNĐ	Chi phí lãi VNĐ	Nợ gốc VNĐ
Dưới 1 năm	3.274.035.939	860.000.223	2.414.035.716
Từ 1-5 năm	5.552.282.136	724.210.712	4.828.071.424
	<u>8.826.318.075</u>	<u>1.584.210.935</u>	<u>7.242.107.140</u>

(\*\*\*) Nợ dài hạn khác:

Khoản nợ 2.728.000 Euro tương đương 77.131.472.000 đồng (2010: không có) từ nhà cung cấp liên quan đến việc mua tài sản cố định, chịu lãi suất 5,8%/năm và được hoàn trả theo phân kỳ 6 tháng từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 5 năm 2016.

## 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Bên thứ ba	<u>1.098.014.470.240</u>	<u>441.737.582.232</u>

## 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	10.340.205.509	16.600.684.204
Thuế giá trị gia tăng	2.804.260.421	12.714.726.882
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.128.280.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.811.764.787	2.869.712.219
Thuế khác	2.148.087.747	253.348.205
	<u>20.104.318.464</u>	<u>33.566.752.470</u>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Điện	235.804.437	638.239.530
Xây dựng cơ bản dở dang	9.737.303.244	80.484.320.287
Chi phí vận chuyển	7.285.891.191	-
Phí kiểm toán	919.599.998	906.874.000
Lương tháng 13	3.472.230.000	5.513.234.395
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	-	221.479.998
Lãi vay	9.778.816.019	2.477.307.000
Chi phí phải trả khác	137.892.658	1.282.492.754
	<u>31.567.537.547</u>	<u>91.523.947.964</u>

## 16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Cổ tức phải trả	1.397.909.550	1.270.476.000
Ký quỹ ngắn hạn	-	2.397.024.758
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	918.853.052	558.510.674
Doanh thu chưa thực hiện (*)	-	4.560.000.000
Phải trả khác	5.723.273.857	2.637.494.504
	<u>8.040.036.459</u>	<u>11.423.505.936</u>

(\*) Doanh thu chưa thực hiện thể hiện khoản tiền thu được từ việc bán căn hộ Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen. Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2011, Công ty đã chuyển nhượng Dự án Chung cư cao tầng Phố Đông - Hoa Sen cho phía đối tác liên doanh là Công ty cổ phần Phố Đông.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 17. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Quỹ này được lập từ việc trích lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được dùng để trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm như sau:

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Số dư đầu năm	1.728.997.376	7.151.926.861
Trích lập	10.768.960.575	6.121.598.094
Sử dụng	(4.551.499.841)	(11.544.527.579)
Số dư cuối năm	7.946.458.110	1.728.997.376

## 18. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

	30/9/2011		30/9/2010	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	100.790.790	-	100.790.790	-
Cổ phiếu ngân quỹ	(2.020.012)	-	(20.012)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	98.770.778	-	100.770.778	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có quyền ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu được Công ty mua lại đều được tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 19. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2009 (theo báo cáo trước đây)	570.385.000.000	88.222.712.000	21.447.090.156	259.845.916.955	(572.000.000)	-	939.328.719.111
Trình bày lại (Thuyết minh 34)	-	-	(21.447.090.156)	21.447.090.156	-	-	-
Tại ngày 1 tháng 10 năm 2009 (đã trình bày lại)	570.385.000.000	88.222.712.000	-	281.293.007.111	(572.000.000)	-	939.328.719.111
Cổ phiếu đã phát hành	129.615.000.000	438.652.500.000	-	-	-	-	568.267.500.000
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	69.980.000.000	(69.980.000.000)	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu	237.927.900.000	-	-	(237.927.900.000)	-	-	-
Phí hoa hồng và môi giới phát hành cổ phiếu	-	(5.351.921.637)	-	-	-	-	(5.351.921.637)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	215.379.211.513	-	-	215.379.211.513
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	-	-	-	-	(94.000)	-	(94.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	(8.525.313.060)	-	8.525.313.060	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(6.121.598.094)	-	-	(6.121.598.094)
Chi khác	-	-	-	(3.092.000)	-	-	(3.092.000)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2010	1.007.907.900.000	451.543.290.363	-	244.094.315.470	(572.094.000)	8.525.313.060	1.711.498.724.893
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	160.168.374.901	-	-	160.168.374.901
Chi trả cổ tức	-	-	-	(50.156.649.000)	-	-	(50.156.649.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(28.016.088.845)	-	(28.016.088.845)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(10.768.960.575)	-	-	(10.768.960.575)
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	1.007.907.900.000	451.543.290.363	-	343.337.080.796	(28.588.182.845)	8.525.313.060	1.782.725.401.374

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 20. DOANH THU

### (a) Doanh thu thuần

#### Doanh thu

Bán thành phẩm

Bán hàng hóa

Cung cấp dịch vụ

#### Các khoản giảm trừ

Chiết khấu thương mại

Hàng bán bị trả lại

Giảm giá bán hàng

Giảm khác

#### Năm tài chính kết thúc ngày

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
	7.036.652.233.437	4.650.441.833.391
Bán thành phẩm	1.142.374.278.626	261.858.135.103
Bán hàng hóa	461.195.766	310.415.698
<b>Cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.179.487.707.829</b>	<b>4.912.610.384.192</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(771.748.862)	(1.141.442.287)
Hàng bán bị trả lại	(12.399.818.026)	(10.372.643.709)
Giảm giá bán hàng	(329.529.887)	(901.116.976)
Giảm khác	-	(1.014.648.034)
	(13.501.096.775)	(13.429.851.006)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>8.165.986.611.054</b>	<b>4.899.180.533.186</b>

### (b) Doanh thu từ hoạt động tài chính

Thu nhập lãi tiền gửi

Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái

Cổ tức

#### Năm tài chính kết thúc ngày

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thu nhập lãi tiền gửi	3.664.797.659	1.874.898.464
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	45.286.243.388	20.878.566.439
Cổ tức	-	1.350.000.000
<b>Doanh thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>48.951.041.047</b>	<b>24.103.464.903</b>

## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Thành phẩm

Hàng hóa

Dịch vụ

Chi phí khấu hao dưới công suất

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

#### Năm tài chính kết thúc ngày

	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thành phẩm	6.134.894.497.014	3.702.573.076.185
Hàng hóa	974.686.899.800	256.905.738.257
Dịch vụ	473.689.986	-
Chi phí khấu hao dưới công suất	-	9.632.919.832
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(887.186.228)
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>7.110.055.086.800</b>	<b>3.968.224.548.046</b>



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Lãi vay	288.078.153.510	166.117.089.761
Lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái	169.323.624.469	206.203.108.888
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	573.940.680	553.000.000
	<u>457.975.718.659</u>	<u>372.873.198.649</u>

## 23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Chi phí nhân viên	74.294.554.728	51.188.675.860
Chi phí khấu hao	19.076.605.544	16.553.461.206
Chi phí vật liệu bao bì	2.224.576.875	2.280.873.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.283.807.110	128.891.754.308
Chi phí khác	13.030.390.259	10.562.464.631
	<u>308.909.934.516</u>	<u>209.477.229.128</u>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	85.402.603.087	72.705.146.621
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.897.187.132	5.934.543.076
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.456.525.191	13.176.443.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.734.562.479	41.080.078.694
Chi phí khác	22.514.553.818	15.795.390.085
	<u>189.005.431.707</u>	<u>148.691.601.966</u>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
<b>Thu nhập khác</b>	13.889.373.722	22.862.510.533
Bán phế liệu	62.548.208.722	3.744.605.904
Thu nhập do thanh lý tài sản cố định	-	4.441.228.219
Thu từ kiểm kê hàng tồn kho	11.621.983.577	6.857.208.804
Thu nhập khác		
	<b>88.059.566.021</b>	<b>37.905.553.460</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(62.153.033.947)	(5.430.950.992)
Chi phí khác	(6.422.213.563)	(4.590.346.318)
	<b>(68.575.247.510)</b>	<b>(10.021.297.310)</b>
	<b>19.484.318.511</b>	<b>27.884.256.150</b>

## 26. THUẾ

### *Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen*

Theo Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư số 108/CN-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 10 năm 2001, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận tính thuế và ở mức 25%. Từ năm 2014, thuế suất là 25%. Cũng theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Ưu đãi Đầu tư, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo.

Hoạt động thương mại chịu thuế suất thu nhập 25% và không được miễn thuế suất thu nhập doanh nghiệp.

### *Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen*

Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế (2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 26. THUẾ (tiếp theo)

### *Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen*

Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo. Các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư cũng cho phép Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm có lợi nhuận chịu thuế đầu tiên (2007) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo.

Các hoạt động kinh doanh khác chịu thuế suất 25% và không được miễn thuế thu nhập.

### *Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen*

Công ty TNHH Một Thành Viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo các mức thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.475.798.930	251.901.676.450
Thuế tính theo các mức thuế suất của Tập đoàn	32.817.263.416	38.801.867.795
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	11.733.495.715	1.846.521.469
Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn	222.349.899	2.326.062.258
Thu nhập không chịu thuế	(7.834.555.531)	(860.852.830)
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	304.824.518
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(16.706.325.506)	(11.932.013.693)
Dự phòng thiếu của năm trước	7.174.128.628	17.290.970.599
Tăng thuế suất	(5.282.277.768)	(872.694.535)
Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	515.437.500	-
Ảnh hưởng của miễn thuế ở công ty con	-	(10.382.220.644)
Thuế TNDN được hoàn (*)	(14.332.092.324)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.307.424.029	36.522.464.937

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn thể hiện khoản tiền Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen nhận lại trong năm theo kết luận thanh tra thuế của Tổng Cục thuế. Trước đó, khoản tiền này đã được công ty này tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010 và nộp cho Nhà nước theo yêu cầu của Cục thuế sở tại. Việc hoàn lại thuế này là do sự khác biệt trong cách diễn giải quy định về thuế liên quan đến việc ưu đãi thuế của công ty này giữa Cục thuế sở tại và Tổng Cục thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho niên độ được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chính chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Lợi nhuận thuần thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	160.168.374.901	215.379.211.513
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	98.770.778	96.126.246
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	1.622	2.241

## 28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	11.051.234.931.496	7.414.331.080.870
Chi phí nhân công và nhân viên	211.527.664.606	168.501.575.254
Chi phí khấu hao và phân bổ	194.945.656.330	152.071.726.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.919.316.405	234.812.128.309
Các chi phí khác	107.380.837.177	93.715.928.905
	<u>12.022.008.406.014</u>	<u>8.063.432.439.695</u>

## 29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan chủ yếu bao gồm các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân sự quản lý chủ chốt.

### (a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

#### i) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban cố vấn và Ban kiểm soát	954.000.000	2.349.028.027
Lương cho Ban Tổng Giám đốc	4.293.126.682	3.134.997.000

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

### (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
<b>Trả trước cho người bán (Thuyết minh 4)</b>		
Hoàng Đức Huy (Phó Tổng Giám đốc)		
Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	104.355.929.500

## 30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh vật liệu tôn, thép và vật liệu xây dựng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

## 31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Tập đoàn phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Dưới 1 năm	21.194.152.720	13.245.089.660
Từ 1 đến 5 năm	69.375.630.134	39.247.257.679
Trên 5 năm	251.241.359.892	214.808.752.227
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>341.811.142.746</b>	<b>267.301.099.566</b>

## 32. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	30/9/2011 VNĐ	30/9/2010 VNĐ
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	28.575.744.556	430.793.791.230

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2011

Mẫu số B 09 - DN/HN

## 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ báo cáo hiện hành.

## 34. TRÌNH BÀY LẠI

Số liệu đầu năm của báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày lại so với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán trước đây như sau:

	Theo báo cáo trước đây VNĐ	Điều chỉnh VNĐ	Trình bày lại VNĐ
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 30 tháng 9 năm 2010 (*)	21.447.090.156	(21.447.090.156)	-
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 9 năm 2010	222.647.225.314	21.447.090.156	244.094.315.470
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	21.447.090.156	(21.447.090.156)	-
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 9 năm 2009	259.845.916.955	21.447.090.156	281.293.007.111

(\*) Khoản chênh lệch đánh giá lại quyền sử dụng đất dùng để góp vốn vào Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen phát sinh từ năm 2006 và được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” thay vì “Thu nhập”. Do việc ghi nhận nghiệp vụ này vào năm 2006 là không phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, Tập đoàn đã trình bày lại bằng cách kết chuyển khoản chênh lệch này từ tài khoản “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” sang “Lợi nhuận chưa phân phối”.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Tổng Giám đốc duyệt ngày 30 tháng 12 năm 2011.



**Nguyễn Thị Ngọc Lan**  
Kế toán trưởng



**Trần Ngọc Chu**  
Tổng Giám đốc

**HOA SEN GROUP**

Số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Bình Dương

Website: [www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn)

ĐT: (0650) 3790 955 - Fax: (0650) 3790 888